

**UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

**NGÀNH: KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
MÃ NGÀNH: 6720602**

Đồng Tháp, 2020

CAO ĐẲNG XÉT NGHIỆM CHÍNH QUY			TRUNG CẤP XÉT NGHIỆM		CAO ĐẲNG XÉT NGHIỆM LTCQ	
TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Số ĐVHT	CAO ĐẲNG XÉT NGHIỆM VLVH	Số ĐVHT
	Các môn học đại cương		Các học phần chung		Các học phần chung	
1	Giáo dục chính trị	4	Chính trị	2	Giáo dục chính trị	2
2	Tiếng Anh 1	6	Ngoại ngữ	5	Tiếng Anh cơ bản	1
3	Tiếng Anh 2	2				
4	Tin học	3	Tin học	2	Tin học	1
5	Xác suất và thống kê y học	2			Xác suất thống kê - Thống kê y học	2
6	Thống kê y học	2				
7	Sinh học và Di truyền	1			Sinh học và Di truyền	1
8	Hóa học	1			Hóa học	1
9	Pháp luật	2	Pháp luật	2	Pháp luật	1
10	Giáo dục thể chất	2	Thể dục thể thao	2	Giáo dục thể chất	1
11	Giáo dục Quốc phòng - AN	3	Giáo dục quốc phòng	2	Giáo dục Quốc phòng – AN	1
TỔNG		26		15		11

	Các môn học chuyên môn ngành		Các môn học chuyên môn ngành		Các môn học chuyên môn ngành	
	Các môn học cơ sở		Các môn học cơ sở		Các môn học cơ sở	
12	Cấp cứu ban đầu	2	Điều dưỡng CB - CCBD	2		
13	Giải phẫu - Sinh lý	3	Giải phẫu - Sinh lý	3		
14	Hóa phân tích	3	Hóa phân tích	3		
15	Dịch tễ và các bệnh TN	2			Dịch tễ và các bệnh TN	2
16	Mô học	2				
17	Sinh lý bệnh	1				
18	Bệnh học	2			Bệnh học	2
19	Đạo đức hành nghề y dược	1			Đạo đức hành nghề y	1
20	Tổ chức và quản lý y tế	2				
21	Dược lý	2			Dược lý học	2
22	Nghiên cứu khoa học	1				
TỔNG		21		8		7

	Các môn học chuyên ngành		Các môn học chuyên ngành		Các môn học chuyên ngành	
23	Hóa sinh I	3	Hóa sinh I	5	Hóa sinh I	2
24	Hóa sinh II	2	Hóa sinh II	3	Hóa sinh II	2
25	Hóa sinh III	2			Hóa sinh III	2
26	Huyết học I	3	Huyết học I	4	Huyết học 1	2
27	Huyết học II	2	Huyết học II	3	Huyết học 2	2
28	Huyết học III	2			Huyết học 3	2
29	KTXNCB - Công tác ĐB & KTCLXN	3	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	3		
30	Ký sinh trùng I	2	Ký sinh trùng I	4	Ký sinh trùng I	2
31	Ký sinh trùng II	2	Ký sinh trùng II	3	Ký sinh trùng I	2
32	Ký sinh trùng III	3			Ký sinh trùng I	2
33	Thực tập nghề nghiệp I	3	Thực tập tại bệnh viện	8		
34	Thực tập nghề nghiệp II	5				
35	Thực tế tốt nghiệp	5	Thực tập tốt nghiệp	8	Thực tế tốt nghiệp	2

36	Báo cáo tốt nghiệp	3			Báo cáo tốt nghiệp	2
37	Vi sinh I	3	Vi sinh I	5	Vi sinh I	2
38	Vi sinh II	2	Vi sinh I	4	Vi sinh I	2
39	Vi sinh III	2			Vi sinh I	2
TỔNG		47		50		26
	Các môn học tự chọn				Các môn học tự chọn	
40	Hóa sinh miễn dịch lâm sàng	2			Hóa sinh miễn dịch lâm sàng	2
	Huyết học truyền máu ứng dụng lâm sàng	2			Huyết học truyền máu ứng dụng lâm sàng	2
TỔNG		2				2
TỔNG CỘNG		150		73		46

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG

(Ban hành theo Quyết định số 35/QĐ-CĐYT ngày 18 tháng 02 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp)

Tên ngành, nghề: KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

Mã ngành, nghề: **6720602**

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Liên thông chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung cấp đúng chuyên ngành và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 2 năm (4 học kỳ)

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cán bộ xét nghiệm y tế là đào tạo những người cán bộ có y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết các vấn đề thuộc ngành học nhằm phục vụ yêu cầu chẩn đoán và điều trị; có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày được kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho công việc kỹ thuật xét nghiệm y học.
- Giải thích được cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý; kiến thức y học chuyên ngành phục vụ cho công việc.
- Trình bày được sự tác động của môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.
- Giải thích được nguyên lý, cơ chế các xét nghiệm hóa sinh miễn dịch, huyết học truyền máu, vi sinh - ký sinh trùng, tế bào - mô bệnh học thông thường phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh.
- Phân tích được nguyên tắc, phương pháp pha chế một số dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường.
- Giải thích được các quy chế vô khuẩn, quy định về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng, an toàn sinh học và quản lý chất lượng xét nghiệm.

- Trình bày được phương pháp luận khoa học trong công tác nghiên cứu khoa học.
- Vận dụng các kiến thức về chính sách, pháp luật và quy định về chuyên môn nghiệp vụ để bảo vệ quyền lợi chính đáng của cá nhân, đồng nghiệp, người bệnh và nhân dân trong điều kiện chuyên môn cụ thể
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định

1.2.2. Kỹ năng

- Pha chế thành thạo một số dung dịch đệm, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường, sử dụng được các bộ thuốc thử (kit) phục vụ cho công tác xét nghiệm;
- Làm thành thạo các xét nghiệm cơ bản về huyết học truyền máu, hóa sinh miễn dịch, vi sinh ký sinh trùng, xét nghiệm tế bào phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Định danh được các vi sinh vật gây bệnh thường gặp; nhận định và phân tích được kết quả xét nghiệm sinh hóa miễn dịch, huyết học truyền máu cơ bản; xác định được tế bào mô bệnh học trong tổn thương dạng viêm và u một số mô của cơ thể;
- Tổ chức được xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp;
- Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng trong phòng xét nghiệm;
- Kiểm soát được lây nhiễm, xử lý rác thải theo đúng quy định về an toàn sinh học phòng xét nghiệm;
- Ghi chép, vào sổ, thống kê các hoạt động chuyên môn theo mẫu quy định. Lưu trữ, bảo quản các tài liệu trong lĩnh vực được giao;
- Tham gia công tác quản lý phòng xét nghiệm, chất lượng phòng xét nghiệm;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát các nhân viên trong nhóm, trong tổ hoặc các sinh viên thực tập thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn xác định;
- Chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân trước nhóm và cấp trên;
- Đánh giá đúng chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Tuân thủ các nguyên tắc, quy trình kỹ thuật xét nghiệm, quy trình bảo đảm chất lượng xét nghiệm; các quy định về an toàn lao động, an toàn sinh học, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị;
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn hiệu quả;
- Thận trọng, tỉ mỉ, chính xác, khoa học và đúng mực trong khi thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Làm việc trong lĩnh vực xét nghiệm tại các bệnh viện, phòng khám đa khoa khu vực, các dịch vụ xét nghiệm tư nhân.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 27 (có 01 môn học tự chọn)
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1190 giờ (46 tín chỉ)
- Khối lượng các môn học chung, đại cương: 270 giờ.
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 920 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 484 giờ (40,7%).
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 706 giờ (59,3%).

3. Nội dung chương trình

3.1. Nội dung chi tiết chương trình

TT	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	I	Các môn học đại cương					
1	MH6401L	Giáo dục chính trị	2	45	26	16	3
2	MH6402L	Tiếng Anh cơ bản	1	30	12	16	2
3	MH6403L	Tin học	1	30	0	29	1
4	MH6404L	Pháp luật	1	15	9	5	1
5	MH6404L	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
6	MH6406L	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	30	15	14	1
7	MH6407L	Xác suất và thống kê y học	2	50	19	29	2

TT	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
8	MH6408L	Sinh học và Di truyền	1	20	19	0	1
9	MH6409L	Hóa học	1	20	19	0	1
	Tổng		11	270	120	136	14
	II	Các môn học chuyên môn					
	II.1	<i>Các môn học cơ sở</i>					
10	MH6410L	Đạo đức hành nghề y dược	1	20	19	0	1
11	MH6411L	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	40	39	0	1
12	MH6412L	Dược lý học	2	50	19	29	2
13	MH6413L	Bệnh học	2	40	39	0	1
	Tổng		7	150	116	29	5
	II.2	<i>Các môn học chuyên ngành</i>					
14	MH6414L	Hóa sinh 1	2	50	19	29	2
15	MH6415L	Hóa sinh 2	2	50	19	29	2
16	MH6416L	Hóa sinh 3	2	50	19	29	2
17	MH6417L	Huyết học 1	2	50	19	29	2
18	MH6418L	Huyết học 2	2	50	19	29	2
19	MH6419L	Huyết học 3	2	50	19	29	2
20	MH6420L	Ký sinh trùng 1	2	50	19	29	2
21	MH6421L	Ký sinh trùng 2	2	50	19	29	2
22	MH6422L	Ký sinh trùng 3	2	50	19	29	2
23	MH6423L	Vi sinh 1	2	50	19	29	2

TT	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
24	MH6424L	Vi sinh 2	2	50	19	29	2
25	MH6425L	Thực tập tốt nghiệp	2	90	0	89	1
26	MH6426L	Báo cáo tốt nghiệp	2	90	0	90	
	Tổng		26	730	209	498	23
	II.3	<i>Các môn học tự chọn</i>					
27	MH6427L	Huyết học và truyền máu ứng dụng trong lâm sàng	2	40	39	0	1
28	MH6428L	Hóa sinh miễn dịch lâm sàng	2	40	39	0	1
	Tổng		2	40	39	0	1
TỔNG CHUNG			46	1190	484	663	43

3.2. Kế hoạch đào tạo theo từng học kỳ

Stt	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Khác
Học kỳ I							
1	MH6401L	Giáo dục chính trị	2	45	26	16	3
2	MH6402L	Tiếng Anh cơ bản	1	30	12	16	2
3	MH6404L	Pháp luật	1	15	9	5	1
4	MH6407L	Xác suất và thống kê y học	2	50	19	29	2
5	MH6412L	Dược lý học	2	50	19	29	2
6	MH6413L	Bệnh học	2	40	39	0	1
7	MH6414L	Hóa sinh 1	2	50	19	29	2

Stt	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Khác
Tổng cộng			12	280	143	124	13
Học kỳ II							
8	MH6403L	Tin học	1	30	0	29	1
9	MH6405L	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
10	MH6406L	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	30	15	14	1
11	MH6408L	Sinh học và Di truyền	1	20	19	0	1
12	MH6409L	Hóa học	1	20	19	0	1
13	MH6417L	Huyết học 1	2	50	19	29	2
14	MH6420L	Ký sinh trùng 1	2	50	19	29	2
15	MH6423L	Vi sinh 1	2	50	19	29	2
16	MH6410L	Đạo đức hành nghề y dược	1	20	19	0	1
Tổng cộng			12	300	130	157	13
Học kỳ III							
17	MH6411L	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	40	39	0	1
18	MH6415L	Hóa sinh 2	2	50	19	29	2
19	MH6418L	Huyết học 2	2	50	19	29	2
20	MH6421L	Ký sinh trùng 2	2	50	19	29	2
21	MH6424L	Vi sinh 2	2	50	19	29	2
22	MH6427L/ MH6428L	Môn học tự chọn	2	40	39	0	1
Tổng cộng			12	280	154	116	10
Học kỳ IV							

Stt	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Khác
23	MH6416L	Hóa sinh 3	2	50	19	29	2
24	MH6419L	Huyết học 3	2	50	19	29	2
25	MH6422L	Ký sinh trùng 3	2	50	19	29	2
26	MH6425L	Thực tập tốt nghiệp	2	90	0	89	1
27	MH6426L	Báo cáo tốt nghiệp	2	90	0	90	0
Tổng cộng			10	330	57	266	7

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Đoàn thanh niên và Phòng Công tác sinh viên phối hợp xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa cụ thể theo tình hình thực tế của từng năm học và công bố vào đầu mỗi năm học.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun, mô đun

Thi kết thúc học phần

- Hình thức thi: thi tập trung, câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm MCQ.
- Thời điểm thi: Sau khi kết thúc việc dạy và học môn học.

4.4. Hướng dẫn báo cáo tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và kết quả Báo cáo tốt nghiệp đạt yêu cầu để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo quy định hiện hành.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 1

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 2TC; HK I; 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thảo luận: 16 giờ, kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, được thực hiện vào học kỳ I

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin	10	8	2	
2	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	8	6	2	
3	Bài 3: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	6	3	2	1
4	Bài 4: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
5	Bài 5: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	8	3	4	1
6	Bài 6: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	7	3	3	1
	Tổng cộng	45	26	16	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;
- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
 - 2.2.1. Triết học Mác - Lênin
 - 2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin
 - 2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
- 2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Nguồn gốc
 - 2.1.3. Quá trình hình thành
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh
 - 2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại
 - 2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân
 - 2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân
 - 2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân
 - 2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
 - 2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau
- 2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam
- 2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: ĐẶC TRUNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;
- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp

2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 4: TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;
- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 5: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

BÀI 6: PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;

- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;

- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TTr-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung của môn học đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

VII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
 - Các tài liệu liên quan khác...

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 2

Tên môn học: TIẾNG ANH CƠ BẢN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 1TC; HK I; 30 giờ; (Lý thuyết: 12 giờ; Thực hành: 16 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, được thực hiện vào học kỳ I.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu

được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra & Ôn tập
1	Bài 1: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	6	3	3	
2	Bài 2: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	6	3	3	
3	Bài 3: Công nghệ (Technology)	6	3	3	

4	Bài 4: Mua sắm (Shopping)	6	3	3	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	6	0	4	2
	Tổng cộng	30	12	16	2

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 1. CÁC KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI (FUTURE PLANS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Lễ hội;
- 2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Cấu trúc Will và going to;
- 2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 2. NGOẠI HÌNH VÀ TÍNH CÁCH (APPEARANCE AND PERSONALITY)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 3. CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các thiết bị công nghệ;

2.1.2. Công nghệ.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Cấu trúc How long...?;

2.2.3. Giới từ For và since.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 4. MUA SẮM (SHOPPING)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

Ôn tập và kiểm tra:

- Hướng dẫn thực hành bài tập
- Thực hiện kiểm tra

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thao tác theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 3

Tên môn học: TIN HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 1TC; HK II; 30 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng, được thực hiện vào học kỳ I.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản			2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản			2	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản			4	
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản			15	1
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản			4	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản			2	
	Tổng cộng	30	0	29	1

2. Nội dung chi tiết

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

2.4.1. Những khái niệm cơ bản

2.4.2. Internet, Intranet, Extranet

2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.2. Tốc độ truyền

2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)

2.4.4. Phương tiện truyền thông

2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông

2.4.4.2. Bảng thông

2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây

2.4.5. Download, Upload

2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh

2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

2.6.1. An toàn lao động

2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

- 2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows
- 2.1.3. Desktop
- 2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)
- 2.1.5. Menu Start
- 2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng
- 2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
- 2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
- 2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

- 2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin
- 2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin
- 2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin
- 2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
- 2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục
- 2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Sử dụng Control Panel

- 2.3.1. Khởi động Control Panel
- 2.3.2. Region and Language
- 2.3.3. Devices and Printers
- 2.3.4. Programs and Features

2.4. Một số phần mềm tiện ích

- 2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
- 2.4.2. Phần mềm diệt virus

2.5. Sử dụng tiếng Việt

- 2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt
- 2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt
- 2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin

2.7. Đa phương tiện

2.8. Sử dụng máy in

2.8.1. Lựa chọn máy in

2.8.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản.

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

2.2.3.4.1. Bảng (Table)

2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)

2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)

2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt

2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes

2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)

2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)

2.2.3.7. Hoàn tất văn bản

2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản

2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang

2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)

2.2.4. In văn bản

2.2.5. Phân phối văn bản

2.2.6. Soạn thông báo, thư mời

2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xoá dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Định dạng ô, dãy ô

2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.5.2. Định dạng văn bản

2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.6. Biểu thức và hàm

2.6.1. Biểu thức số học

2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.6.1.3. Các lỗi thường gặp

2.6.2. Hàm

2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)

2.6.2.4. Hàm điều kiện IF

2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)

2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)

2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)

2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)

2.7. Biểu đồ

2.7.1. Tạo biểu đồ

2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.8.1. Trình bày trang tính để in

2.8.2. Kiểm tra và in

2.8.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.1.7. Chèn Audio, Video

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

- 2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản
- 2.2.1.2. Thiết đặt (setting)
- 2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác
- 2.2.1.4. Đánh dấu
- 2.2.2. Sử dụng Web
 - 2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công
 - 2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)
 - 2.2.2.3. Lưu nội dung
 - 2.2.2.4. In
- 2.2.3. Thư điện tử (Email)
 - 2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử
 - 2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử
 - 2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử
 - 2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

- 2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời
- 2.3.2. Cộng đồng trực tuyến
- 2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

- 2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
- 2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
- 2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
- 2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1 . Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.
- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.
- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:
 - + Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
 - + Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. [Joan Lambert](#) and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. [Peter Weverka](#), Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 4

Tên môn học: Pháp luật

Thời gian thực hiện môn học: 1TC; HK I; 15 giờ (Lý thuyết: 9 giờ; Thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, được thực hiện vào học kỳ I.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;
- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Pháp luật dân sự	5	3	2	
2	Bài 2: Pháp luật hành chính	4	3	1	
3	Bài 3: Pháp luật hình sự	6	3	2	1
	Cộng	15	9	5	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: PHÁP LUẬT DÂN SỰ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.
- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự
- 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự
- 2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự
 - 2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản
 - 2.3.2. Hợp đồng

Bài 2: PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính
- 2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính
 - 2.2.1. Vi phạm hành chính

2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 3: PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự

2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự

2.2.1. Tội phạm

2.2.2. Hình phạt

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Bộ Luật dân sự, 2015.
4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.
8. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
9. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
10. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
11. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
14. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
16. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
18. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
20. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.
24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 5

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 60 giờ (lý thuyết: 05 giờ; thực hành: 51 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, được thực hiện vào học kỳ II.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
A	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG	14	0	13	1

1	Bài 1: Thể dục cơ bản	7		7	
2	Bài 2: Điền kinh	7		6	1
B	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	16	1	14	1
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	16	1	14	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	16	1	14	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	16	1	14	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	16	1	14	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	16	1	14	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	16	1	14	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	16	1	14	1
	Cộng	30	1	27	2

2. Nội dung chi tiết

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa

Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.

2.3.1. Nhảy cao

2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao

2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao

2.3.2. Nhảy xa

2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa

2.3.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.2.5. Kỹ thuật xuất phát

2.2.6. Kỹ thuật quay vòng

2.2.7. Kỹ thuật về đích

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.2.7. Kỹ thuật đập cầu

2.2.8. Chiến thuật thi đấu

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng

2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

- 2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay
- 2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay
- 2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai
- 2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực
- 2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng đá
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Kỹ thuật di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng
 - 2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân
 - 2.2.5. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân
 - 2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân
 - 2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật bạt bóng thuận và trái tay

2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.
2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;
3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.
4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyên, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyên, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 6

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 1TC; HK II; 30 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 14 giờ; kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng, được thực hiện vào học kỳ I

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;
- Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế,	5	3	2	

	văn hóa, tư tưởng				
2	Bài 2: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
4	Bài 4: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
5	Bài 5: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	3	6	1
	CỘNG	30	15	14	1

2. Nội dung chi tiết

BÀI 1: ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, TƯ TƯỞNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

Bài 2: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân

2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân

2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 4: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, CỨNG CỐ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Bài 5: GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.1.1. Súng trường CKC
 - 2.1.2. Súng tiểu liên AK
 - 2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm
 - 2.1.4. Súng diệt tăng B41
 - 2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1
- 2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC
 - 2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1
- 2.3. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPD, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPD, B41 cắt bỏ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 cắt bỏ;

- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LĐT-15).

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thắt lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;

- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.

10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
24. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
25. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
29. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.
30. Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.
31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 7

Tên môn học: XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (LT: 19 giờ; TH: 29 giờ, KT: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ I.

- Tính chất môn học: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: các quy luật của giải tích toán học và hiện tượng ngẫu nhiên. Tổng quan về xác suất, khái niệm thống kê, những ứng dụng và xử lý thống kê. Môn học cũng cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng thống kê y học. Nội dung bao gồm những vấn đề căn bản về thống kê và ứng dụng của thống kê trong y học.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học;
2. Mô tả các qui luật của hiện tượng ngẫu nhiên;
3. Nêu được khái niệm về thống kê và ứng dụng của thống kê trong y học.

- Về kỹ năng:

1. Tính được xác suất các biến cố;
2. Xử lý số liệu – ước lượng các tham số của dân số.
3. Xử lý số liệu - ước lượng các tham số của dân số.
4. Kiểm định được một giả thuyết thống kê.

-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Có niềm tin, trách nhiệm vững chắc vào môn học để thực hiện tốt vào ứng dụng thực tiễn trong nghiên cứu về chuyên môn.
2. Thể hiện ý thức sử dụng thống kê trong y học để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Biến cố và xác suất	4	2	2	
2	Chương 2: Các định lý xác suất	4	2	2	
3	Chương 3: Biến ngẫu nhiên rời rạc	4	1	2	
4	Chương 4: Biến ngẫu nhiên liên tục	4	2	2	
5	Chương 5: Cơ sở lý thuyết mẫu	4	1	3	
6	Chương 6: Ước lượng tham số	6	2	3	1
7	Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số.				
	Thống kê, phân phối và biến số	2	1	1	
8	Chương 8: Ước lượng, Kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi quy				
	Ước lượng	4	2	2	
	Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ	3	1	2	
	Số trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn bằng R	3	1	2	
	Kiểm định chi bình phương bằng R	3	1	2	
	Kiểm định T-test bắt cặp, không bắt cặp, Anova bằng R	3	1	2	
	Tương quan hồi quy	3	1	2	
	Thực hành tính khoảng tin cậy	3	1	1	1
	Tổng cộng	50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Biến cố xác suất và các phép toán xác suất

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu rõ các khái niệm phép thử, biến cố, cách đặt biến cố, phân biệt các loại biến cố.

1.2. Hiểu khái niệm xác suất, điều kiện quy ước của xác suất.

1.3. Biết tính xác suất theo định nghĩa cổ điển. Biết tính số kết cục theo các phương pháp: liệt kê, bảng, và công thức Giải tích tổ hợp

2. Nội dung chương:

2.1. Biến cố xác suất và các phép toán xác suất

2.1.1. Phép thử và biến cố

2.1.2. Xác suất của biến cố

2.1.3. Định nghĩa cổ điển về xác suất

2.1.4. Mối liên hệ giữa các biến cố

Chương 2: Các định lý xác suất

1. Mục tiêu:

1.1. Biết cách biểu diễn biến cố đang quan tâm qua tổng hoặc tích của các biến cố liên quan.

1.2. Nắm được nội dung của định lý nhân và cộng xác suất.

1.3. Biết cách vận dụng định lý nhân với tích các biến cố và định lý cộng với tổng các biến cố để tính xác suất của biến cố trong từng bài toán.

1.4. Nhận dạng được bài toán tuân theo lược đồ Bernoulli, biết áp dụng công thức tính xác suất và tra bảng trong các bài toán

1.5. Biết xác định nhóm biến cố đầy đủ có ảnh hưởng đến biến cố đang quan tâm và biết áp dụng công thức xác suất đầy đủ để giải quyết bài toán.

2. Nội dung chương:

2.1. Các định lý xác suất

2.1.1. Định lý nhân xác suất.

2.1.2. Định lý cộng xác suất.

2.1.3. Định lý Bernoulli

2.1.4. Công thức xác suất đầy đủ

Chương 3: Biến ngẫu nhiên rời rạc

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên và phân biệt được hai loại biến ngẫu nhiên.

1.2. Lập được bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.

1.3. Tính các tham số: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.

1.4. Biết sử dụng quy luật Không – Một và quy luật Nhị thức để tính xác suất và các tham số đặc trưng.

1.5. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên 2 chiều rời rạc và tính được một số tham số đặc trưng.

2. Nội dung chương:

2.1. Biến ngẫu nhiên rời rạc

2.1.1. Khái niệm và phân loại biến ngẫu nhiên.

2.1.2. Bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.

2.1.3. Các tham số đặc trưng: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.

2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Không – Một.

2.1.5. Biến ngẫu nhiên phân phối Nhị thức.

2.1.6. Khái niệm và các tham số của biến ngẫu nhiên hai chiều rời rạc.

Chương 4: Biến ngẫu nhiên liên tục

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu KN biến ngẫu nhiên liên tục, đánh giá đồ thị hàm mật độ xác suất.

1.2. Biết cách tra bảng để tìm xác suất của phân phối Chuẩn hoá.

1.3. Biết áp dụng công thức tính XS của biến phân phối chuẩn trong các bài toán.

1.4. Biết cách tra bảng để tìm chính xác các giá trị tới hạn.

2. Nội dung chương:

2.1. Biến ngẫu nhiên liên tục

2.1.1. Biến ngẫu nhiên liên tục và hàm mật độ xác suất.

2.1.2. Biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn

2.1.3. Biến ngẫu nhiên phân phối Khi – bình phương

2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Student

Chương 5: Cơ sở lý thuyết mẫu

1. Mục tiêu:

- 1.1. Hiểu và phân biệt khái niệm Tổng thể và mẫu;
- 1.2. Hiểu và phân biệt khái niệm Tham số và Thống kê;
- 1.3. Tính chính xác các thống kê đặc trưng mẫu bằng máy tính bấm tay;
- 1.4. Nhớ được quy luật liên hệ để áp dụng tra bảng số;
2. Nội dung chương:
 - 2.1. Cơ sở lý thuyết mẫu
 - 2.1.1. Khái niệm cơ bản.
 - 2.1.2. Tổng thể nghiên cứu.
 - 2.1.3. Mẫu ngẫu nhiên.
 - 2.1.4. Thống kê.
 - 2.1.5. Quy luật phân phối xác suất liên hệ

Chương 6: Ước lượng tham số

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Hiểu được khái niệm ước lượng;
 - 1.2. Tìm được ước lượng không lệch, hiệu quả trong số các ước lượng đã cho;
 - 1.3. Với số liệu mẫu, ước lượng được các tham số tổng thể và suy luận từ đó;
2. Nội dung chương:
 - 2.1.1. Lý thuyết ước lượng.
 - 2.1.2. Ước lượng trung bình tổng thể.
 - 2.1.3. Ước lượng phương sai tổng thể.
 - 2.1.4. Ước lượng tỷ lệ tổng thể.

Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Nêu được khái niệm thống kê và ứng dụng thống kê trong y học, phân biệt được các loại biến số.
2. Nội dung chương:
 - 2.1. Thống kê, phân phối và biến số

Chương 8: Ước lượng, Kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Trình bày được các ứng dụng của phân phối mẫu trong việc ước lượng, kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui.

2. Nội dung chương:
 - 2.1. Ước lượng
 - 2.2. Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ
 - 2.3. Số trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn bằng R
 - 2.4. Kiểm định chi bình phương bằng R
 - 2.5. Kiểm định T-test bất cặp, không bất cặp, Anova bằng R
 - 2.6. Tương quan hồi quy
 - 2.7. Thực hành tính khoảng tin cậy

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Hội trường
2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:
 - + Kiến thức cơ bản trong thống kê và các nguyên lý lựa chọn kiểm định thống kê phù hợp.
- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra.
- Về năng lực: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
 - + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột kiểm tra định kỳ, 01 cột kiểm tra thường xuyên) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên:

Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

Thực hành: Tại phòng thực hành của trường, bài tập nhóm

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập, thảo luận làm bài tập nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Xác suất và Thống kê y học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Bộ môn toán, Giáo trình toán xác suất thống kê, Trường ĐHYD.
- Burns W.B. Practice of Nursing research. (4 th ed., 2001). Saunders Publishing.
- Nguyễn Duy Tiến. (2000). Lý thuyết xác suất. Nhà xuất bản giáo dục
- Bài giảng Xác suất thống kê – Tổ hợp Giáo dục TO.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 8

Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 1 TC, HK II, 20 giờ (LT: 19, TH: 0, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học này thực hiện học kỳ I, sau môn học Tin học.
- Tính chất: Môn học này trang bị cho sinh viên những nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử), giúp cho việc học các môn y học cơ sở và lâm sàng, làm được một số kỹ thuật để minh họa kiến thức sinh học đại cương. Cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất và các qui luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người, thực hiện được một số xét nghiệm di truyền học; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày cấu trúc vi thể, siêu vi thể và chức năng của tế bào.
 - + Trình bày quá trình phát triển cá thể và các nhân tố tác động lên sự phát triển cá thể.
 - + Trình bày các nguyên lý của di truyền học cơ sở và bước đầu vận dụng vào di truyền người.
 - + Trình bày xu thế phát triển của sinh học phân tử và các nguyên lý sinh thái có quan hệ đến loài người.
- Về kỹ năng:
 - + Nhận biết được cấu trúc và chức năng của tế bào
 - + Nhận biết được bộ nhiễm sắc thể người về hình thái
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Người học vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được học vào thực tế
 - + Thể hiện ý thức, thận trọng trong việc học môn sinh học và di truyền để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH	Kiểm tra
	Chương 1: Tế bào, sinh học phân tử				
1	Hệ thống tế bào	2	2		
2	Cấu trúc và chức năng của tế bào	2	2		
3	Sự phân chia tế bào	2	2		
4	Sự phát triển giao tử ở người	2	2		
5	Sinh học phát triển	2	2		
6	Các qui luật di truyền	2	2		
	Chương 2 : Nhiễm sắc thể, di truyền				
7	Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người	2	2		
8	Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính	2	2		
9	Sinh học phân tử	2	2		
10	Sinh thái học	2	1		1
	Cộng	20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Tế bào – sinh học phân tử

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cấu trúc, chức năng, phân chia của tế bào

1.2. Trình bày được sự phát triển giao tử và các qui luật di truyền.

- 2. Nội dung chương
 - 2.1. Hệ thống tế bào.
 - 2.1.1. Khái quát hệ thống sống
 - 2.1.2. Lịch sử phát triển của tế bào
 - 2.1.3. Phương pháp nghiên cứu trong sinh học tế bào
 - 2.1.4. Sinh học tế bào với sản xuất đời sống
 - 2.2. Cấu trúc và chức năng của tế bào.
 - 2.2.1. Hình dạng tế bào
 - 2.2.2. Kích thước tế bào
 - 2.2.3. Số lượng tế bào
 - 2.2.4. Các dạng tế bào và cấu trúc đại cương
 - 2.3. Sự phân chia tế bào.
 - 2.3.1. Sự phân bào trực phân
 - 2.3.2. Sự phân bào gián phân
 - 2.3.3. Phân bào giảm nhiễm
 - 2.4. Sự phát triển giao tử ở người.
 - 2.4.1. Nguồn gốc 2 dòng tế bào xôma và sinh dục
 - 2.4.2. Sự phát triển giao tử
 - 2.4.3. Nguồn gốc các giao tử
 - 2.4.4. Quá trình tạo giao tử
 - 2.5. Sinh học phát triển.
 - 2.5.1. Giai đoạn tạo giao tử
 - 2.5.2. Giai đoạn tạo hợp tử
 - 2.5.3. Giai đoạn tạo phôi thai
 - 2.5.4. Giai đoạn sinh trưởng
 - 2.5.5. Giai đoạn trưởng thành
 - 2.5.6. Giai đoạn già lão
 - 2.5.7. Giai đoạn tử vong
 - 2.6. Các qui luật di truyền.
 - 2.6.1. Quy luật Mendel

- 2.6.2. Quy luật Mendel – Quy luật phân ly độc lập
- 2.6.3. Tương tác gen và tác động đa hiệu của gen
- 2.6.4. Liên kết gen
- 2.6.5. Hoán vị gen
- 2.6.6. Di truyền liên kết với giới tính và di truyền ngoài nhân
- 2.6.7. Ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của gen

Chương 2. Nhiễm sắc thể, di truyền

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cấu trúc, chức năng, phân chia của nhiễm sắc thể.
- 1.2. Trình bày được đặc điểm di truyền từng nhóm bệnh di truyền

2. Nội dung:

- 2.1. Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người.
 - 2.1.1. Sơ lược lịch sử nghiên cứu NST người
 - 2.1.2. Phương pháp xét nghiệm nhiễm sắc thể người
 - 2.1.3. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể người
 - 2.1.4. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể thường
 - 2.1.5. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể giới tính
- 2.2. Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính.
 - 2.2.1. Lịch sử của di truyền học
 - 2.2.2. Nội dung của di truyền học người
 - 2.2.3. Bệnh di truyền đơn gen, đa gen
 - 2.2.4. Bệnh di truyền Hemoglobin, nhóm máu
 - 2.2.5. Bệnh di truyền ung thư, di truyền học quần thể người
- 2.3. Sinh học phân tử.
 - 2.3.1. DNA, chức năng của DNA, cơ chế tự nhân đôi của DNA
 - 2.3.2. RNA, quá trình phiên mã
 - 2.3.3. Cấu trúc và chức năng của protein
 - 2.3.4. Quá trình dịch mã và điều hòa sinh tổng hợp protein
- 2.4. Sinh thái học.
 - 2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Đối tượng sinh thái học

2.4.3. Mối quan hệ giữa sinh thái học với các môn học khác

2.4.4. Phương pháp nghiên cứu sinh thái học

2.4.5. Lịch sử phát triển sinh thái học

2.4.6. Ý nghĩa của sinh thái học

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên hội trường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, kính hiển vi, máy chiếu Video

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, transferan, tranh ảnh, lam); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: đánh giá qua bài thi tự luận/ trắc nghiệm các nội dung về cơ sở vật chất và các qui luật di truyền, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh, tật di truyền ở người.

- Về kỹ năng: đánh giá bằng thi thực hành chạy trạm (trả lời câu hỏi qua tranh ảnh, nhận định mẫu trên lam kính, trên kính hiển vi, tình huống qua chiếu video).

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tìm tài liệu mở rộng kiến thức, độc lập nhận định được các mẫu trong giờ thực hành trên lớp và tại các phòng xét nghiệm tại các cơ sở y tế đến thực tập..

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.
2. Phương pháp giảng dạy:
 - Đối với giảng viên: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm và hướng dẫn giải quyết các bài tập tình huống có liên quan.
 - Đối với học sinh: Tự học, thảo luận nhóm, làm bài tập tình huống.
3. Những trọng tâm cần chú ý: Không
4. Tài liệu học tập/ tham khảo:
 - Giáo trình môn học Sinh học Di truyền của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
 - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng sinh học tế bào, NXB Y học.
 - Đại học Y Hà Nội, Sinh học, NXB Y học.
 - Đại học Quốc gia Hà Nội, Bệnh học di truyền, NXB Giáo dục.
5. Ghi chú và giải thích: Toán – Tin – Hóa – Sinh – Ngoại ngữ thuộc khoa khoa học cơ bản

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 9

Tên môn học: HÓA HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ II.
- Tính chất môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc, cung cấp kiến thức cơ bản về hóa học làm tiền đề cho các môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày và giải thích được cấu tạo và tính chất của các hệ vật chất (nguyên tử, nguyên tố, phân tử, phức chất, vật thể) nhờ những kiến thức cơ bản nhất về cơ học lượng tử.

2. Nêu được khái niệm cơ bản về dung dịch và tính toán được các loại nồng độ khác nhau sử dụng trong dung dịch.

3. Trình bày được mối liên quan giữa cấu tạo và tính chất của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng, từ đó hiểu và giải thích được vai trò của chúng trong Y học

4. Phân loại, đọc tên và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học.

- Về kỹ năng:

Vận dụng các kiến thức môn Hóa học để áp dụng vào các môn học chuyên ngành khác.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức tuân thủ nghiêm ngặt các qui định về an toàn trong phòng thí nghiệm, đồng thời rèn luyện được tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác và trung thực trong quá trình học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học		13			
1	Cấu tạo chất		4		
	2. Nhiệt động hóa học		3		
	3. Dung dịch		3		
	4. Phức chất		3		
Chương II: Hóa học vô cơ		3			
2	5. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố		1		
	6. Nguyên tố nhóm chính (A) – Nguyên tố chuyển tiếp (B)		2		
Chương III: Hóa học hữu cơ		4			
3	7. Phân loại, đọc tên và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học		3		1
TỔNG CỘNG		20	19		1

2. Nội dung chi tiết:

Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học
giờ

Thời gian: 13

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cấu tạo của nguyên tử, nguyên nhân hình thành các chu kỳ, nhóm nguyên tố.
- Tính được hiệu ứng nhiệt của phản ứng dựa vào sinh nhiệt, nhiệt cháy, năng lượng liên kết.

- Trình bày được 2 động lực của quá trình tự diễn biến.
- Trình bày được các khái niệm về tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng hóa học.
- Nêu được định nghĩa và cách phân loại các dung dịch, các nồng độ.
- Phân biệt được phức chất và các hợp chất đơn giản, các thành phần của phức chất.

2. Nội dung chương:

2.1. Cấu tạo chất

Thời gian: 04 giờ

- 2.1.1. Những khái niệm và định luật cơ bản trong hóa học
- 2.1.2. Các qui luật phân bố electron trong nguyên tử.
- 2.1.3. Cách viết cấu hình electron nguyên tử dạng chữ và ô.
- 2.1.4. Cấu tạo nguyên tử
- 2.1.3. Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học
- 2.1.4. Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học

2.2. Nhiệt động hoá học

Thời gian: 03 giờ

- 2.2.1. Một số khái niệm
- 2.2.2 Nguyên lý I của nhiệt động lực trong hóa học
- 2.2.3. Nhiệt hóa học
- 2.2.4. Định luật Hess và hệ quả
- 2.2.5. Nguyên lý II của nhiệt động lực trong hóa học

2.3. Dung dịch

Thời gian: 03 giờ

- 2.4.1. Khái niệm
- 2.4.2. Các cách biểu thị nồng độ dung dịch
- 2.4.3. Độ tan và những yếu tố ảnh hưởng đến độ tan của các chất

2.4. Phức chất

Thời gian: 03 giờ

- 2.5.1. Định nghĩa và các thành phần phức chất
- 2.5.2. Phân loại phức chất
- 2.5.3. Danh pháp phức chất
- 2.5.4. Liên kết hóa học trong phức chất

Chương II: Hóa học vô cơ

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Giải thích nguyên nhân sự khác nhau về tính chất của các loại nguyên tố s,p,d
- Giải thích được tính chất, vai trò của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng trong Y học.

2. Nội dung chương:

2.1. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố

Thời gian:

01 giờ

2.1.1. Phân loại các nguyên tố theo cấu hình electron ở trạng thái cơ bản

2.1.2. Tính chất chung của các nguyên tố nhóm chính (A)

2.1.3. Tính chất chung của các nguyên tố chuyển tiếp (B)

2.2. Nguyên tố nhóm chính (A) và nguyên tố chuyển tiếp (B)

Thời gian: 02

giờ

2.2.1. Nguyên tố nhóm A

2.2.2. Nguyên tố nhóm B

Chương III: Hóa học hữu cơ

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân loại và đọc tên được các hợp chất hữu cơ cơ bản
- Giải thích được tính chất, vai trò của các hợp chất hữu cơ quan trọng trong Y học.

2. Nội dung chương:

Phân loại và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học

Thời gian: 03 giờ

2.1. Phân loại được các hợp chất hữu cơ cơ bản

2.2. Đọc tên được các hợp chất hữu cơ cơ bản

2.3. Tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- *Phòng học chuyên môn:* Học lý thuyết tại hội trường, học thực hành tại phòng thực hành hóa phân tích.

- *Trang thiết bị máy móc:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành thí nghiệm

- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu*: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

- *Các điều kiện khác*: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Hệ thống kiến thức cơ bản về hóa học

+ Kiến thức hóa học vô cơ, hữu cơ

Kỹ năng: vận dụng các kiến thức được học vào các môn học khác và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra hệ số 1, 1 cột điểm kiểm tra hệ số 2) trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Hóa học được xây dựng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng Dược.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữ lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.

- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được

học qua sách, tạp chí, liên hệ giữ kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính và phân nhóm phụ

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Hóa học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Lê Thành Phước (2011), *Hóa đại cương – vô cơ*, tập 1, NXB Y học, Hà Nội.
- Lê Thành Phước (2011), *Hóa đại cương – vô cơ*, tập 2, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2007), *Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 1*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2007), *Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 10

Tên môn học: ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ Y DƯỢC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện ở học kỳ II.

- Tính chất: Môn học trang bị cho sinh viên những khái niệm và nguyên tắc cơ bản về đạo đức ngành Y trong thực hành nghề nghiệp, trách nhiệm của người kỹ thuật viên xét nghiệm y học trong việc bảo vệ quyền của người bệnh khi chăm sóc họ, các bộ luật và quy định về đạo đức về ngành Y (của hội Y học Việt Nam và Quốc tế), những khó khăn về đạo đức khi chăm sóc sức khỏe; phản ứng đạo đức và vị trí của nó trong thực hành về Y. Phân tích mối liên hệ giữa đạo đức với y đức và những đặc trưng của đạo đức người kỹ thuật viên xét nghiệm y học ở Việt Nam.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

1. Trình bày được ý nghĩa việc tìm hiểu lịch sử y học đối với người cán Bộ Y tế.
2. Trình bày được các khái niệm về Y đức và Y đạo.
3. Mô tả được những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.
4. Trình bày được nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.
5. Kể được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người kỹ thuật viên xét nghiệm y học.

Kỹ năng:

1. Thực hiện các nguyên tắc trong giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân; các tiêu chuẩn của việc thực hành chăm sóc sức khỏe có chất lượng.
2. Thực hiện các nguyên tắc làm việc cùng đồng nghiệp; các qui định của Bộ Y tế về đạo đức của người thầy thuốc trong thực hành lâm sàng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học tích cực tu dưỡng, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng	LT	TH, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Lịch sử y học	8	8		
	-Y học thời kỳ xã hội nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN) -Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN) -Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII) -Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại) -Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)				
2	Chương 2: Y Đức	4	4		
	- Khái niệm về đạo đức và y đức - Phân biệt khái niệm y đức và y đạo - Lịch sử đạo đức y học				
3	Chương 3: Đạo đức điều dưỡng	8	7		1
3.1	Đạo đức và nghĩa vụ nghề nghiệp của người kỹ thuật viên xét nghiệm.				
3.2	Y đức người cán bộ y tế.				
3.3	Đại cương về quản lý y tế				
	Tổng cộng	20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Lịch sử y học

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày Y học thời kỳ nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN)

- 1.2. Trình bày Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
- 1.3. Trình bày Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
- 1.4. Trình bày Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
- 1.5. Trình bày Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)

2. Nội dung chương:

- 2.1. Y học thời kỳ nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN)
- 2.2. Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
 - 2.2.1. Thời kỳ Sumerien Babilon
 - 2.2.2. Thời Trung hoa cổ đại
 - 2.2.3. Thời Ấn độ cổ đại
 - 2.2.4. Thời Hy lạp cổ đại
 - 2.2.5. Thời La mã cổ đại
- 2.3. Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
- 2.4. Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
- 2.5. Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)
 - 2.5.1. Bản chất đạo đức Y học XHCN
 - 2.5.2. Đạo đức Y học Việt Nam

Chương 2: Y Đức

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được khái niệm về đạo đức và y đức.
- 1.2. Phân biệt được khái niệm y đức và y đạo.
- 1.3. Trình bày được lịch sử đạo đức y học.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Khái niệm về đạo đức và y đức
- 2.2. Phân biệt khái niệm y đức và y đạo
- 2.3. Lịch sử đạo đức y học
 - 2.3.1. Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
 - 2.3.2. Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
 - 2.3.3. Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
 - 2.3.4. Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)

Chương 3: Đạo đức người kỹ thuật viên xét nghiệm y học

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những phẩm chất đạo đức và nghĩa vụ nghề nghiệp của người kỹ thuật viên xét nghiệm y học.

1.2. Trình bày được những quan điểm đạo đức ứng dụng trong chăm sóc người thầy thuốc.

1.3. Trình bày khái niệm về quản lý y tế

2. Nội dung chương:

2.1. Những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người Dược sỹ

2.2. Nghĩa vụ nghề nghiệp của người Điều dưỡng

2.3. Những quan điểm đạo đức ứng dụng trong chăm sóc người thầy thuốc.

2.4. Khái niệm về quản lý y tế

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết giảng dạy trên hội trường

2. Trang thiết bị dạy học: máy chiếu Projector, máy tính, bảng phấn

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu giảng dạy môn y đức

4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Kiến thức:

1. Trình bày được ý nghĩa việc tìm hiểu lịch sử y học đối với người cán Bộ Y tế.

2. Trình bày được các khái niệm về Y đức và Y đạo.

3. Mô tả được những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.

4. Trình bày được nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.

5. Kể được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người kỹ thuật viên xét nghiệm y học

Kỹ năng:

1. Thực hiện các nguyên tắc trong giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân; các tiêu chuẩn của việc thực hành chăm sóc sức khỏe có chất lượng.

2. Thực hiện các nguyên tắc làm việc cùng đồng nghiệp; các qui định của Bộ Y tế về đạo đức của người thầy thuốc trong thực hành lâm sàng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học tích cực tự tu dưỡng, tự rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

2. Phương pháp đánh giá

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực, video, powerpoint.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người kỹ thuật viên xét nghiệm y học.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Đạo đức hành nghề Y dược của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản 1, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.

- Trường Đại học y tế công cộng (2003), Đạo đức trong thực hành y tế công cộng, NXB Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 11

Tên môn học: DỊCH TỄ VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 40 giờ (LT: 39, TH: 0, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ III.
- Tính chất: Môn học này cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm có các kiến thức cơ bản về những nội dung và nguyên tắc chính của dịch tễ và ứng dụng được các nguyên tắc này trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, mô tả và phân tích được tình trạng sức khỏe của một cộng đồng dân cư, những yếu tố quyết định một hiện tượng sức khỏe và tác động của những yếu tố đó trên một cộng đồng: Nguyên tắc điều tra và kiểm soát một vụ dịch. Phân tích được đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng. Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe. Sử dụng được cách đánh giá tính tin cậy và giá trị của các xét nghiệm và vai trò của các xét nghiệm trong phát hiện bệnh sớm. Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Phân tích được những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm.
- Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, cách thức lây truyền, triệu chứng và biến chứng của bệnh.
- Trình bày được nguyên lý dịch tễ học các bệnh nhiễm trùng và nguyên lý phòng chống dịch.

Kỹ năng:

- Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.
- Thành thạo trong công tác chăm sóc và phục hồi chức năng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có ý thức, trách nhiệm trong việc tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng về chăm sóc, phòng chống bệnh lây lan.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng Số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chương 1: Dịch tễ học				
1	Dịch tễ học đại cương	2	2		
2	Giám sát dịch tễ học	2	2		
3	Các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm	2	2		
4	Quá trình dịch	2	2		
5	Phân loại bệnh truyền nhiễm	2	2		
6	Các tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học	2	2		
7	Cảm nhiễm và miễn dịch	2	2		
8	Phòng và diệt côn trùng truyền bệnh	2	2		
	Chương 2: Bệnh Truyền nhiễm				
9	Đại cương về bệnh truyền nhiễm	2	2		
10	Bệnh thương hàn và chăm sóc	2	2		
11	Bệnh ly trực khuẩn, amíp và chăm sóc	2	2		
12	Bệnh tả và chăm sóc	2	2		
13	Viêm màng não mủ và chăm sóc	2	2		
14	Uốn ván và chăm sóc người bệnh uốn ván	2	2		
15	Quai bị và chăm sóc	2	2		

16	Viêm gan virus và chăm sóc	2	2		
17	Dengue xuất huyết và chăm sóc	2	2		
18	Nhiễm Leptospira và chăm sóc	2	2		
19	Nhiễm HIV-AIDS và chăm sóc	2	1		1
20	Sốt rét và chăm sóc	2	2		
	Tổng cộng	40	39	0	1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Dịch tễ học

Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm, nội, phương pháp và giám sát về dịch tễ học
- Trình bày được các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm, quá trình dịch
- Trình bày được cách phân loại bệnh truyền nhiễm, các tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học
- Nêu được cảm nhiễm và miễn dịch, phòng và diệt côn trùng truyền bệnh

2. Nội dung chương:

- 2.1. Dịch tễ học đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa về dịch tễ học
 - 2.1.2. Lịch sử ngành dịch tễ học
 - 2.1.3. Phân loại các nghiên cứu dịch tễ học
- 2.2. Giám sát dịch tễ học
 - 2.2.1. Định nghĩa giám sát
 - 2.2.2. Phân loại giám sát
 - 2.2.3. Tầm quan trọng giám sát
 - 2.2.4. các bước thiết lập hệ thống giám sát
 - 2.2.5. Hệ thống báo cáo, qui định báo cáo
- 2.3. Các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm
 - 2.3.1. Khái niệm bệnh truyền nhiễm
 - 2.3.2. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm

2.3.3. Các giai đoạn bệnh truyền nhiễm (thời kỳ nung bệnh, thời kỳ khởi phát, thời kỳ toàn phát, thời kỳ lui bệnh, thời kỳ phục hồi).

2.3.4. Phân loại bệnh truyền nhiễm

2.3.5. Căn cứ chẩn đoán và phương hướng điều trị

2.4. Quá trình dịch

2.4.1. Định nghĩa quá trình dịch

2.4.2. Các yếu tố liên quan đến quá trình dịch

2.4.3. Các hình thái và mức độ dịch

2.4.4. Các biện pháp phòng chống dịch

2.5. Phân loại bệnh truyền nhiễm

2.5.1. phân loại theo cơ chế truyền nhiễm

2.5.2. Phân loại theo bệnh căn

2.5.3. Phân loại theo triệu chứng bệnh lý

2.6. Các tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học

2.6.1. Thế nào là yếu tố tác hại nghề nghiệp?

2.6.2. Phân loại các yếu tố tác hại nghề nghiệp

2.6.3. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến công nghệ sản xuất

2.6.4. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến tổ chức lao động

2.6.5. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến điều kiện vệ sinh nơi làm việc

2.6.6. Tác hại nghề nghiệp liên quan đến tâm sinh lý người lao động

2.7. Cảm nhiễm và miễn dịch

2.7.1. Nguồn truyền nhiễm

2.7. 2. Đường lây truyền

2.7. 3. Ký chủ

2.7.4. Khái niệm về miễn dịch

2.7.5. Phân loại miễn dịch

2.7.6. Kháng nguyên, kháng thể, bỏ thể

2.7. 7. Các phản ứng kết hợp kháng nguyên – kháng thể

2.7. 8. Hiện tượng dị ứng và mẫn cảm

2.8. Phòng và diệt côn trùng truyền bệnh

2.8.1. Nguyên tắc chung

2.8.2. Biện pháp chung

2.8.3. Biện pháp cụ thể

Chương 2: Bệnh Truyền nhiễm

Thời gian: 24 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm, đặc điểm, phân loại bệnh truyền nhiễm
- Trình bày được, dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý, lâm sàng, chẩn đoán, điều trị - Dự phòng, chăm sóc bệnh thương hàn, lỵ trực khuẩn, amíp, bệnh tả, viêm màng não mủ, uốn ván, quai bị, viêm gan virus, sốt xuất huyết, Leptospira, HIV-AIDS, sốt rét.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về bệnh truyền nhiễm

2.1.1. Vị trí và tầm quan trọng của môn học.

2.1.2. Sơ lược lịch sử nghiên cứu.

2.1.3. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm.

2.1.4. Phân loại bệnh truyền nhiễm.

2.1.5. Một vài quan niệm khác.

2.1.6. Căn cứ chẩn đoán và phương hướng điều trị.

2.2. Bệnh thương hàn và chăm sóc

2.2.1. Dịch tễ học

2.2.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.2.3. Lâm sàng

2.2.4. Chẩn đoán

2.2.5. Điều trị - Dự phòng

2.2.6. Chăm sóc.

2.3. Bệnh lỵ trực khuẩn, amíp và chăm sóc

2.3.1. Dịch tễ học

2.3.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.

2.3. 3. Lâm sàng

2.3. 4. Chẩn đoán

2.3. 5. Điều trị - Dự phòng

2.3. 6. Chăm sóc.

- 2.4. Bệnh tả và chăm sóc
 - 2.4.1. Dịch tễ học
 - 2.4.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.4. 3. Lâm sàng
 - 2.4. 4. Chẩn đoán
 - 2.4. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.4. 6. Chăm sóc.
- 2.5. Viêm màng não mủ và chăm sóc
 - 2.5.1. Dịch tễ học
 - 2.5.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.5. 3. Lâm sàng
 - 2.5. 4. Chẩn đoán
 - 2.5. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.5. 6. Chăm sóc.
- 2.6. Uốn ván và chăm sóc người bệnh uốn ván
 - 2.6.1. Dịch tễ học
 - 2.6.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.6. 3. Lâm sàng
 - 2.6. 4. Chẩn đoán
 - 2.6. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.6. 6. Chăm sóc.
- 2.7. Quai bị và chăm sóc
 - 2.7.1. Dịch tễ học
 - 2.7.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.7. 3. Lâm sàng
 - 2.7. 4. Chẩn đoán
 - 2.7. 5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.7. 6. Chăm sóc.
- 2.8. Viêm gan virus và chăm sóc
 - 2.8.1. Dịch tễ học

- 2.8.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.8. 3. Lâm sàng
- 2.8. 4. Chẩn đoán
- 2.8. 5. Điều trị - Dự phòng
- 2.8. 6. Chăm sóc.
- 2.9. Dengue xuất huyết và chăm sóc
- 2.9.1. Dịch tễ học
- 2.9.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.9. 3. Lâm sàng
- 2.9. 4. Chẩn đoán
- 2.9. 5. Điều trị - Dự phòng
- 2.9. 6. Chăm sóc.
- 2.10. Nhiễm Leptospira và chăm sóc
- 2.10.1. Dịch tễ học
- 2.10.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.10. 3. Lâm sàng
- 2.10. 4. Chẩn đoán
- 2.10. 5. Điều trị - Dự phòng
- 2.10. 6. Chăm sóc.
- 2.11. Nhiễm HIV-AIDS và chăm sóc
- 2.11.1. Dịch tễ học
- 2.11.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.11. 3. Lâm sàng
- 2.11. 4. Chẩn đoán
- 2.11. 5. Điều trị - Dự phòng
- 2.11. 6. Chăm sóc.
- 2.12. Sốt rét và chăm sóc
- 2.12.1. Dịch tễ học
- 2.12.2.- Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.12. 3. Lâm sàng

2.12. 4. Chẩn đoán

2.12. 5. Điều trị - Dự phòng

2.12. 6. Chăm sóc.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu projector, máy tính cá nhân, hình ảnh

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Điều dưỡng truyền nhiễm thần kinh tâm thần, Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học, 2005.

- Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, Nhà xuất bản Y học Hà Nội - 2004.

- Trường Đại học Y Dược Huế, Bệnh truyền nhiễm, Bộ môn truyền nhiễm 2008.
- Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Dịch tễ học đại cương. Nhà xuất bản Y học, 1993.
- Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Dịch tễ học y học. Nhà xuất bản Y học, 1993.
- Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Thực hành Dịch tễ học. Tái bản lần thứ nhất. Nhà xuất bản Y học, 1996.
- Bùi Đại. 2002. Bệnh học truyền nhiễm. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 12

Tên môn học: DƯỢC LÝ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ I.

- Tính chất: Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về thuốc, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể; trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học; đọc, viết đúng tên cũng như nhận biết được hình dạng của một số thuốc thông dụng; vận dụng được những kiến thức đã học vào trong thực tế hoạt động nghề nghiệp để sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh; hình thành và rèn luyện được thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được khái niệm cơ bản về thuốc;

2. Trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học.

- Về kỹ năng

1. Đọc và viết đúng một số tên thuốc thông dụng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Cần có tác phong thận trọng, tỉ mỉ, chính xác khi dùng thuốc cho người bệnh.

2. Hướng dẫn sử dụng thuốc thiết yếu hợp lý, an toàn.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đại cương: Dược lý học, dược động học, tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.	02	02	00	00
2	Vitamin và các chất vô cơ	04	02	02	00
3	Vaccin phòng bệnh	03	01	02	00
4	Thuốc kháng sinh	04	01	02	01
5	Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm	04	01	03	00
6	Thuốc ngủ, an thần, chống co giật	03	01	02	00

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
7	Thuốc nội tiết	03	01	02	00
8	Thuốc điều trị các bệnh tim mạch	05	02	03	00
9	Thuốc lợi tiểu	03	01	02	00
10	Thuốc điều trị ho và hen phế quản	04	02	02	00
11	Thuốc điều trị các bệnh tiêu hóa	05	02	03	00
12	Thuốc điều trị các bệnh tai, mũi, họng; mắt; da liễu	03	01	02	00
13	Thuốc điều chỉnh nước, điện giải và cân bằng acid - base	03	01	02	00
14	Thuốc chống dị ứng	04	01	02	01
	Tổng cộng	50	19	29	02

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Đại cương: Dược lý học, dược động học, tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm về thuốc và quan niệm về dùng thuốc trong điều trị.
- 1.2. Trình bày được quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc.
- 1.3. Trình bày được các cách tác dụng của thuốc, tai biến do thuốc và tương tác thuốc.
- 1.4. Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc. nồng độ, hàm lượng; các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc; sự biến đổi và các đường thải trừ của thuốc.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Dược lý học
 - 2.1.1. Khái niệm về thuốc.
 - 2.1.2. Quan niệm về dùng thuốc.
- 2.2. Dược động học.
 - 2.2.1. Hấp thu.
 - 2.2.2. Phân bố thuốc trong cơ thể.
 - 2.2.3. Chuyển hóa thuốc trong cơ thể.
 - 2.2.4. Thải trừ thuốc.
- 2.3. Tác dụng của thuốc.
 - 2.3.1. Các cách tác dụng của thuốc.
 - 2.3.2. Tai biến do thuốc hay tác dụng không mong muốn.
- 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

- 2.4.1. Các yếu tố thuộc về thuốc.
- 2.4.2. Các yếu tố thuộc về người bệnh
- 2.4.3. Ảnh hưởng của thức ăn, nước uống tới tác dụng của thuốc.
- 2.4.4. Thời điểm dùng thuốc.

Bài 2: Vitamin và các chất vô cơ

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể được vai trò, tác dụng, cách phân loại, nguyên tắc sử dụng vitamin.
- 1.2. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều dùng, bảo quản các vitamin và các chất vô cơ đã học.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương về vitamin
 - 2.1.1. Vai trò của vitamin đối với cơ thể.
 - 2.1.2. Phân loại vitamin.
 - 2.1.3. Nguyên tắc sử dụng vitamin.
 - 2.1.4. Chống chỉ định dùng vitamin.
- 2.2. Một số vitamin thông dụng
- 2.3. Một số chất vô cơ thông dụng

Bài 3: Vaccin phòng bệnh

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại và kỹ thuật bảo quản vaccin.
- 1.2. Trình bày được tính chất, chỉ định, cách dùng, bảo quản các vaccin phòng bệnh trong nội dung bài.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm về vaccin.
 - 2.1.2. Phân loại các vaccin.
 - 2.1.3. Bảo quản vaccin.
 - 2.1.4. Chú ý khi sử dụng vaccine
- 2.2. Một số vaccine phòng bệnh thông dụng.

Bài 4: Thuốc kháng sinh

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại kháng sinh và các đặc điểm của các họ kháng sinh.
- 1.2. Trình bày được nguyên tắc chung trong sử dụng kháng sinh.
- 1.3. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc kháng sinh đã học.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Phân loại kháng sinh.
- 2.3. Nhóm kháng sinh kháng khuẩn.
 - 2.3.1. Nhóm Beta – lactam.
 - 2.3.2. Nhóm Aminoglycosid.
 - 2.3.3. Nhóm phenicol.
 - 2.3.4. Nhóm Tetracyclin.
 - 2.3.5. Nhóm Macrolid.
 - 2.3.6. Nhóm Quinolon.
- 2.4. Nguyên tắc chung trong sử dụng kháng sinh
- 2.5. Một số kháng sinh thông dụng.

Bài 5: Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được khái niệm, cách phân loại, cơ chế tác dụng, nguyên tắc sử dụng thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm.
- 1.2. Trình bày được tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng, bảo quản các thuốc hạ sốt, giảm đau chống viêm được giới thiệu trong bài học.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm.
 - 2.1.2. Phân loại.
 - 2.1.3. Tác dụng và cơ chế tác dụng.
 - 2.1.4. Nguyên tắc chung trong sử dụng thuốc chống viêm không steroid.
- 2.2. Các thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm thông dụng.
- 2.3. Hướng dẫn được cho cộng đồng sử dụng thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp hợp lý, an toàn.

Bài 6: Thuốc ngủ, an thần, chống co giật

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được khái niệm về thuốc ngủ, an thần, chống co giật và đặc điểm của các thuốc thuộc dẫn xuất barbituric, benzodiazepine.
- 1.2. Trình bày được tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc ngủ, an thần, chống co giật.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm.
 - 2.1.1. Thuốc ngủ.

- 2.1.2. Thuốc an thần.
- 2.1.3. Thuốc chống co giật.
- 2.2. Thuốc ngủ thuộc dẫn xuất Barbituric.
 - 2.2.1. Đặc điểm về cấu trúc.
 - 2.2.2. Một số dẫn xuất của Barbituric.
- 2.3. Thuốc ngủ thuộc dẫn xuất của Benzodiazepin.
 - 2.3.1. Bảng so sánh tác dụng của một số dẫn xuất của Benzodiazepin.
 - 2.3.2. Chuyển hóa của các dẫn chất benzodiazepine.
- 2.4. Một số thuốc ngủ, an thần, chống co giật thông dụng.

Bài 7: Thuốc nội tiết

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, vai trò, đặc điểm, phân loại hormon.
- 1.2. Nêu được tác dụng chung, chỉ định và nguyên tắc sử dụng glucocorticoid.
- 1.3. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các hormon và các dẫn chất tổng hợp dùng làm thuốc được giới thiệu trong bài.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương về thuốc nội tiết
 - 2.1.1. Định nghĩa nội tiết tố.
 - 2.1.2. Vai trò của thuốc nội tiết.
 - 2.1.3. Đặc điểm của thuốc nội tiết.
 - 2.1.4. Phân loại thuốc nội tiết.
- 2.2. Các thuốc nội tiết thông dụng
 - 2.2. Trình bày được công dụng, cách dùng, liều dùng của các loại thuốc hạ sốt - giảm đau – kháng viêm.
- 2.3. Vận dụng được để hướng dẫn cho người bệnh và cộng đồng sử dụng thuốc hạ sốt - giảm đau – kháng viêm hợp lý, an toàn, hiệu quả.

Bài 8: Thuốc điều trị các bệnh tim mạch

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại, đặc điểm, tác dụng các thuốc điều trị bệnh tim mạch.
- 1.2. Nêu được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản một số thuốc điều trị bệnh tim mạch.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm.
 - 2.1.2. Phân loại.
- 2.2. Các thuốc chữa bệnh tim mạch thông dụng

Bài 9. Thuốc lợi tiểu

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được đặc điểm, phân loại, tính chất, tác dụng, cơ chế tác dụng của các thuốc lợi tiểu.
- 1.2. Nêu được chỉ định, chống chỉ định, bảo quản các thuốc có tác dụng lợi tiểu.

2. Nội dung:

- 2.1. Phân loại thuốc lợi tiểu.
 - 2.1.1. Nhóm sulfamid lợi tiểu.
 - 2.1.2. Các thuốc lợi tiểu khác.
- 2.2. Các thuốc lợi tiểu thông dụng.

Bài 10. Thuốc điều trị ho và hen phế quản

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được cách phân loại thuốc chữa ho, hen theo cơ chế tác dụng.
- 1.2. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc chữa ho và hen phế quản.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương.
- 2.2. Phân loại thuốc ho và hen phế quản.
 - 2.2.1. Thuốc chữa ho.
 - 2.2. Thuốc chữa hen phế quản
- 2.3. Các thuốc chữa ho và hen phế quản thông dụng

Bài 11. Thuốc điều trị các bệnh tiêu hóa

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại thuốc chữa viêm loét dạ dày tá tràng.
- 1.2. Trình bày được cơ chế tác dụng của nhóm thuốc nhuận tràng, lợi mật.
- 1.3. Nêu được các phân loại thuốc chữa bệnh tiêu chảy, bệnh lỵ.
- 1.4. Trình bày được cách phân loại, nguyên tắc sử dụng thuốc trị giun sán.
- 1.5. Nêu được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các thuốc chữa viêm loét dạ dày – tá tràng, thuốc nhuận tràng, lợi mật, thuốc chữa bệnh tiêu chảy, bệnh lỵ, thuốc trị giun sán.

2. Nội dung:

- 2.1. Thuốc chống viêm loét dạ dày – tá tràng
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Các thuốc chữa loét dạ dày – tá tràng thông dụng
- 2.2. Thuốc nhuận tràng, lợi mật
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Các thuốc nhuận tràng, lợi mật thông dụng.
- 2.3. Thuốc chữa tiêu chảy, lỵ.

- 2.3.1 Đại cương.
- 2.3.2. Các thuốc chữa tiêu chảy, lỵ thông dụng
- 2.4. Thuốc trị giun sán
- 2.4.1. Đại cương
- 2.4.2. Một số thuốc trị giun sán thông dụng

Bài 12. Thuốc điều trị các bệnh tai, mũi, họng; mắt; da liễu

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại thuốc chữa bệnh tai mũi họng.
- 1.2. Trình bày được cách phân loại và nguyên tắc khi sử dụng thuốc chữa bệnh về mắt.
- 1.3. Trình bày được phân loại và sử dụng thuốc chữa bệnh ngoài da. tác dụng của nhóm thuốc nhuận tràng, lợi mật.
- 1.4. Nêu được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các thuốc dùng cho mắt,

2. Nội dung:

- 2.1. Thuốc chữa bệnh tai, mũi, họng
- 2.2. Thuốc dùng cho mắt.
 - 2.2.1. Phân loại thuốc chữa bệnh về mắt.
 - 2.2.2. Các thuốc dùng cho mắt thông dụng.
- 2.3. Thuốc ngoài da
 - 2.3.1. Phân loại.
 - 2.3.2. Các thuốc thông dụng.

Bài 13. Thuốc điều chỉnh nước, điện giải và cân bằng acid - base

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được vai trò của nước và các chất điện giải trong cơ thể, cách phân loại các thuốc tiêm truyền.
- 1.2. Trình bày được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các dung dịch tiêm truyền đã học.

2. Nội dung:

- 2.1. Vai trò của nước và các chất điện giải đối với cơ thể.
 - 2.1.1. Vai trò của nước trong cơ thể.
 - 2.1.2. Vai trò của một số chất điện giải trong cơ thể
- 2.2. Phân loại các thuốc tiêm truyền
- 2.3. Một số thuốc và chế phẩm thông dụng.

Bài 14. Thuốc chống dị ứng

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, cơ chế tác dụng và nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng tổng hợp.

1.2. Nêu được tính chất, tác dụng, chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản của các thuốc chống dị ứng tổng hợp đã học.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương.

2.1.1. Vài nét về dị ứng và thuốc chống dị ứng.

2.1.2. Công thức chung của thuốc kháng histamin.

2.1.3. Cơ chế tác dụng của thuốc kháng histamin.

2.1.4. Tác dụng không mong muốn của thuốc kháng histamin.

2.1.5. Chỉ định chung của thuốc kháng histamin tổng hợp.

2.1.6. Nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng.

2.2. Các thuốc chống dị ứng thông dụng.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Giảng đường, phòng thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức

- + Trình bày được khái niệm cơ bản về thuốc;
- + Trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học.

- Về kỹ năng

- + Đọc và viết đúng một số tên thuốc thông dụng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Cần có tác phong thận trọng, tỉ mỉ, chính xác khi dùng thuốc cho người bệnh.
- + Hướng dẫn sử dụng thuốc thiết yếu hợp lý, an toàn.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 02 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX₁, KTTX₂);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 02 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK₁, KTĐK₂);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [\text{ĐKTTX}_1 + \text{ĐKTTX}_2 + (\text{ĐKTĐK}_1 + \text{ĐKTĐK}_2) \times 2] / 6$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành;
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ Lý thuyết:

- 01 điểm thi lý thuyết (TLT);
- Thời gian: từ 60 đến 120 phút.
- Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

+ Thực hành:

- 01 điểm thi thực hành (TTH);
- Hình thức: thực hành chạy trạm;
- Số trạm: lớn hơn hoặc bằng 5 trạm.

+ Điểm thi kết thúc môn học (TKTMH):

- Công thức: $TKTMH = (TLT + TTH) / 2$

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Dược lý được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không**4. Tài liệu tham khảo:**

- Giáo trình môn học Dược lý của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Dược lý học - Trường Đại học Y Hà Nội.
- Hóa dược – Dược lý (2006), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học.

5. Ghi chú và giải thích: Không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 13

Tên môn học: BỆNH HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 40 giờ (Lý thuyết: 39 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ I.
- Tính chất: Là môn học chung bắt buộc, cung cấp kiến thức cơ bản về bệnh học.

II. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức**
 - + Trình bày được khái niệm về bệnh, nguyên nhân, triệu chứng chính của các bệnh thường gặp đặc trưng cho từng cơ quan của cơ thể.
 - + Trình bày được nguyên tắc điều trị và cách phòng một số bệnh thường gặp, một số bệnh đặc trưng cho từng cơ quan của cơ thể.
- **Kỹ năng:** quan sát, nhận định và phân tích được triệu chứng của một số bệnh thường gặp.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** thể hiện được tính thận trọng, chính xác trong nhận định và phân biệt được triệu chứng của các bệnh thường gặp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Bệnh tim mạch	6			
	1. Bệnh suy tim		1		
	2. Bệnh tăng huyết áp		2		
	3. Bệnh tăng lipid máu		1		
	4. Bệnh mạch vành		2		
2	Chương 2. Bệnh hô hấp	5			

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	1. Bệnh viêm phế quản		1		
	2. Bệnh hen phế quản		2		
	3. Bệnh viêm phổi		2		
	Chương 3. Bệnh tiêu hóa - gan - mật				
	1. Bệnh loét dạ dày - tá tràng		2		
	3. Bệnh áp xe gan		1		
	4. Bệnh xơ gan		1		
	5. Bệnh viêm gan virút		1		
3	6. Bệnh lồng ruột - tắc ruột	13	1		
	7. Bệnh tả, lỵ thương hàn		1		1
	8. Bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ em		1		
	9. Bệnh viêm ruột thừa cấp		2		
	10. Bệnh viêm phúc mạc		1		
	11. Bệnh viêm túi mật, sỏi mật		1		
	Chương 4. Bệnh thận - tiết niệu				
4	1. Bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu, viêm cầu thận	3	1		
	2. Bệnh viêm cầu thận		1		
	3. Bệnh hội chứng thận hư		1		
	Chương 5. Bệnh nội tiết				
5	1. Bệnh Basedow, suy giáp	3	1		
	2. Bệnh đái tháo đường		2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
6	Chương 6. Bệnh về xương khớp, dinh dưỡng	3			
	1.Gãy xương: trật khớp, bong gân		1		
	2.Suy dinh dưỡng, còi xương		2		
7	Chương 7. Một số bệnh khác	7			
	1.Bỏng		1		
	2.Bệnh dị ứng thuốc		1		
	3.Sốt xuất huyết		1		
	4.Viêm não - màng não		1		
	5. Bệnh lây qua đường tình dục		2		
Cộng		40	39		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Bệnh tim mạch

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh tim mạch.

2. Nội dung

2.1. Bệnh suy tim

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.2. Bệnh tăng huyết áp

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

2.3. Bệnh tăng lipid máu

2.3.1. Nguyên nhân

2.3.2. Triệu chứng

- 2.3.3. Chẩn đoán
- 2.3.4. Điều trị
- 2.4. Bệnh mạch vành
- 2.4.1. Nguyên nhân
- 2.4.2. Triệu chứng
- 2.4.3. Chẩn đoán
- 2.4.4. Điều trị

Chương 2. Bệnh hô hấp

Thời gian: 5 giờ

1. **Mục tiêu:** Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh hô hấp.

2. Nội dung

2.1. Bệnh viêm phế quản

- 2.1.1. Nguyên nhân
- 2.1.2. Triệu chứng
- 2.1.3. Chẩn đoán
- 2.1.4. Điều trị

2.2. Bệnh hen phế quản

- 2.2.1. Nguyên nhân
- 2.2.2. Triệu chứng
- 2.2.3. Chẩn đoán
- 2.2.4. Điều trị

2.3. Bệnh viêm phổi

- 2.3.1. Nguyên nhân
- 2.3.2. Triệu chứng
- 2.3.3. Chẩn đoán
- 2.3.4. Điều trị

Chương 3. Bệnh tiêu hóa - gan – mật

Thời gian: 13 giờ

1. **Mục tiêu:** Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh đường tiêu hóa – gan – mật.

2. Nội dung

2.1. Bệnh loét dạ dày - tá tràng

- 2.1.1. Nguyên nhân
- 2.1.2. Triệu chứng
- 2.1.3. Chẩn đoán
- 2.1.4. Điều trị

2.2. Bệnh áp xe gan

- 2.2.1. Nguyên nhân
- 2.2.2. Triệu chứng
- 2.2.3. Chẩn đoán

- 2.2.4. Điều trị
- 2.3. Bệnh xơ gan
 - 2.3.1. Nguyên nhân
 - 2.3.2. Triệu chứng
 - 2.3.3. Chẩn đoán
 - 2.3.4. Điều trị
- 2.4. Bệnh viêm gan virút
 - 2.4.1. Nguyên nhân
 - 2.4.2. Triệu chứng
 - 2.4.3. Chẩn đoán
 - 2.4.4. Điều trị
- 2.5. Bệnh lồng ruột - tắc ruột
 - 2.5.1. Nguyên nhân
 - 2.5.2. Triệu chứng
 - 2.5.3. Chẩn đoán
 - 2.5.4. Điều trị
- 2.6. Bệnh tả, lỵ thương hàn
 - 2.6.1. Nguyên nhân
 - 2.6.2. Triệu chứng
 - 2.6.3. Chẩn đoán
 - 2.6.4. Điều trị
- 2.7. Bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ em
 - 2.7.1. Nguyên nhân
 - 2.7.2. Triệu chứng
 - 2.7.3. Chẩn đoán
 - 2.7.4. Điều trị
- 2.8. Bệnh viêm ruột thừa cấp
 - 2.8.1. Nguyên nhân
 - 2.8.2. Triệu chứng
 - 2.8.3. Chẩn đoán
 - 2.8.4. Điều trị
- 2.9. Bệnh viêm phúc mạc
 - 2.9.1. Nguyên nhân
 - 2.9.2. Triệu chứng
 - 2.9.3. Chẩn đoán
 - 2.9.4. Điều trị
- 2.10. Bệnh viêm túi mật, sỏi mật
 - 2.10.1. Nguyên nhân
 - 2.10.2. Triệu chứng
 - 2.10.3. Chẩn đoán

2.10.4. Điều trị

Chương 4. Bệnh tiết niệu

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh tiết niệu.

2. Nội dung

2.1. Bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.2. Bệnh viêm cầu thận

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

2.3. Bệnh hội chứng thận hư

2.3.1. Nguyên nhân

2.3.2. Triệu chứng

2.3.3. Chẩn đoán

2.3.4. Điều trị

Chương 5. Bệnh nội tiết

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh nội tiết.

2. Nội dung

2.1. Bệnh Basedow, suy giáp

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.2. Bệnh đái tháo đường

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

Chương 6. Bệnh về xương khớp, dinh dưỡng

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh xương khớp, dinh dưỡng

2. Nội dung

- 2.1. Gãy xương: trật khớp, bong gân
 - 2.1.1. Nguyên nhân
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Chẩn đoán
 - 2.1.4. Điều trị
- 2.2. Suy dinh dưỡng, còi xương
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Triệu chứng
 - 2.2.3. Chẩn đoán
 - 2.2.4. Điều trị

Chương 7. Một số bệnh khác

Thời gian: 7 giờ

- 1. Mục tiêu:** Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh.
- 2. Nội dung**
 - 2.1. Bỏng
 - 2.1.1. Nguyên nhân
 - 2.1.2. Triệu chứng
 - 2.1.3. Chẩn đoán
 - 2.1.4. Điều trị
 - 2.2. Bệnh dị ứng thuốc- sốc phản vệ
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Triệu chứng
 - 2.2.3. Chẩn đoán
 - 2.2.4. Điều trị
 - 2.3. Sốt xuất huyết
 - 2.3.1. Nguyên nhân
 - 2.3.2. Triệu chứng
 - 2.3.3. Chẩn đoán
 - 2.3.4. Điều trị
 - 2.4. Viêm não - màng não
 - 2.4.1. Nguyên nhân
 - 2.4.2. Triệu chứng
 - 2.4.3. Chẩn đoán
 - 2.4.4. Điều trị
 - 2.5. Bệnh lây qua đường sinh dục
 - 2.5.1. Nguyên nhân
 - 2.5.2. Triệu chứng
 - 2.5.3. Chẩn đoán
 - 2.5.4. Điều trị

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường.
2. Trang thiết bị, máy móc: bảng, phấn, máy tính, máy chiếu projector
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo
4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Về kiến thức*: Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng chính, thuốc điều trị và cách phòng một số bệnh thường gặp, bệnh đặc trưng cho từng bộ phận cơ thể.
- *Về kỹ năng*: nhận định và phân tích được triệu chứng của một số bệnh.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: thể hiện được tính thận trọng, chính xác trong nhận định và phân biệt được triệu chứng của các bệnh thường gặp.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK \times 2)]/3$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Thời gian: từ 60 đến 120 phút;

+ Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (tính theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

– Chương trình môn học Bệnh học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm và cao đẳng dược.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Đối với giảng viên, giáo viên: Đây là môn học nhằm cung cấp cho học sinh kiến thức cơ bản về các bệnh thường gặp ở mỗi bộ phận của cơ thể để làm tiền đề cho tiếp thu các môn học về thuốc ở các học phần sau, do đó giảng viên trong quá trình giảng dạy cần liên hệ với thực tế, tạo môi trường học tập năng động, tạo điều kiện để người học chủ động trong học tập.

- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Bệnh học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Bộ Y tế (2010), *Sinh lý bệnh miễn dịch-phản bệnh học*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2014), *Các bệnh ô nhiễm –lây nhiễm do thực phẩm*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2016), *Bệnh học cơ sở*, NXB Y học, Hà Nội.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 14

Tên môn học: HOÁ SINH I

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ thứ I.
- Tính chất: Là môn học chuyên môn bắt buộc, cung cấp kiến thức về hoạt động sinh hóa trong cơ thể.

II. Mục tiêu môn học

- *Về kiến thức*
 - + Trình bày được các khái niệm về hóa sinh và thành phần các chất trong cơ thể.
 - + Cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu trúc các đại phân tử sinh học như: glucid, lipid, protid và các chuyển hóa của chúng bên trong cơ thể người
 - + Trình bày được mối liên quan giữa các quá trình trao đổi chất
- *Về kỹ năng*
 - + Chuẩn bị đúng, đủ dụng cụ hóa chất cần thiết cho từng xét nghiệm hóa sinh.
 - + Thực hiện chính xác các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh
 - + Đọc và nhận định được kết quả sau khi thực hiện các xét nghiệm hóa sinh
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Rèn luyện được tính thận trọng, tỉ mỉ và tính trung thực khi làm xét nghiệm.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương				

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	1. Đại cương sinh hóa và thành phần các chất	8	2		
	2. Xúc tác sinh học (Vitamin, Enzym, Hormon)		4		
	3. Năng lượng sinh học và phosphoryl hóa		2		
2	Chương 2. Hóa học và chuyển hóa các glucid, lipid, protid	12			
	1. Hóa học và chuyển hóa glucid		4		
	2. Hóa học và chuyển hóa protid		3		1
	3. Hóa học và chuyển hóa lipid		4		
3	Chương 3. Xét nghiệm hóa sinh	30			
	1. Hoạt động của enzyme			7	1
	2. Kỹ thuật định tính Protein trong nước tiểu			4	
	3. Kỹ thuật định tính Glucose trong nước tiểu			4	
	4. Kỹ thuật định lượng Protein trong máu			4	
	5. Kỹ thuật định lượng Albumin trong máu			4	
	6. Kỹ thuật định lượng Glucose trong máu			4	
	7. Kỹ thuật chẩn đoán thai nhanh			2	
Cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm về hóa sinh và thành phần cấu tạo nên cơ thể sống
- Trình bày được sự xúc tác của enzyme, vitamin, hormon đối với các phản ứng diễn ra trong cơ thể
- Trình bày được khái niệm năng lượng sinh học và ý nghĩa của quá trình phosphoryl hóa

2. Nội dung

2.1. Đại cương sinh hóa và thành phần các chất

- 2.1.1. Lịch sử phát triển của ngành sinh hóa
- 2.1.2. Thành phần cấu tạo nên cơ thể sống
- 2.1.3. Mối liên hệ giữa sinh hóa và Y học
- 2.1.4. Thành tựu nổi bật trong thế kỷ 21

2.2. Xúc tác sinh học (Vitamin, Enzym, Hormon)

- 2.2.1. Vitamin
- 2.2.2. Enzym
- 2.2.3. Hormon

2.3. Năng lượng sinh học và phosphoryl hóa

- 2.3.1. Khái niệm chung về trao đổi chất
- 2.3.2. Khái niệm chung về sự trao đổi năng lượng và năng lượng sinh học
- 2.3.3. Chu trình Acid citric
- 2.3.4. Quá trình oxy hóa khử sinh học
- 2.3.5. Hô hấp tế bào và sự phosphoryl hóa oxy hóa

Chương 2. Hóa học và chuyển hóa Glucid, Protid, Lipid Thời gian: 12 giờ

- 1. Mục tiêu:** Trình bày được tính chất hóa học và quá trình chuyển hóa các hợp chất cơ bản trong cơ thể.

2. Nội dung

2.1. Hóa học và chuyển hóa glucid

- 2.1.1. Đại cương
- 2.1.2. Phân loại
- 2.1.3. Tính chất
- 2.1.4. Quá trình chuyển hóa

2.2. Hóa học và chuyển hóa protid

- 2.2.1. Đại cương
- 2.2.2. Phân loại
- 2.2.3. Tính chất
- 2.2.4. Quá trình chuyển hóa

2.3. Hóa học và chuyển hóa lipid

- 2.3.1. Đại cương
- 2.3.2. Phân loại
- 2.3.3. Tính chất

2.3.4. Quá trình chuyển hóa

Chương 3. Xét nghiệm hóa sinh

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu: Chuẩn bị đúng, đủ dụng cụ hóa chất cần thiết cho từng xét nghiệm hóa sinh và thực hiện chính xác các xét nghiệm sinh hóa thông thường.

2. Nội dung

2.1. Hoạt động của enzyme

2.1.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.2. Dụng cụ hóa chất

2.1.3. Tiến hành

2.1.4. Đọc kết quả

2.2. Kỹ thuật định tính Protein trong nước tiểu

2.2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2.2. Dụng cụ hóa chất

2.2.3. Tiến hành

2.2.4. Đọc kết quả

2.3. Kỹ thuật định tính Glucose trong nước tiểu

2.3.1. Cơ sở lý thuyết

2.3.2. Dụng cụ hóa chất

2.3.3. Tiến hành

2.3.4. Đọc kết quả

2.4. Kỹ thuật định lượng Protein trong máu

2.4.1. Cơ sở lý thuyết

2.4.2. Dụng cụ hóa chất

2.4.3. Tiến hành

2.4.4. Đọc kết quả

2.5. Kỹ thuật định lượng Albumin trong máu

2.5.1. Cơ sở lý thuyết

2.5.2. Dụng cụ hóa chất

2.5.3. Tiến hành

2.5.4. Đọc kết quả

2.6. Kỹ thuật định lượng Glucose trong máu

2.6.1. Cơ sở lý thuyết

2.6.2. Dụng cụ hóa chất

2.6.3. Tiến hành

2.6.4. Đọc kết quả

2.7. Kỹ thuật chẩn đoán thai nhanh

2.7.1. Cơ sở lý thuyết

2.7.2. Dụng cụ hóa chất

2.7.3. Tiến hành

2.7.4. Đọc kết quả

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường, học thực hành tại phòng thực hành hóa sinh.
2. Trang thiết bị, máy móc: bảng, phấn, máy chiếu, máy sinh hóa bán tự động,...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, bài giảng, dụng cụ, hóa chất...
4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức:** trình bày được các kiến thức về sinh hóa cơ bản trong cơ thể, các quá trình chuyển hóa các chất và mối liên hệ của chúng.
- **Kỹ năng:** Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** thể hiện thái độ trung thực, vệ sinh, an toàn, chính xác trong thực hiện các thao tác.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Chương trình môn học Hóa sinh 1 xây dựng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên, giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữ lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.

- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Hóa sinh 1 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Bộ Y Tế (2010), *Hóa sinh (dùng đào tạo Cao đẳng Y học)*, NXB Giáo dục
- Trường Đại Học Y Hà Nội (2003), *Thực tập Hóa Sinh*, NXB Y học
- Bộ Y Tế (2010), *Hóa sinh*, Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội.
- Phan Hải Nam – Học viện Quân Y (2009), *Một số xét nghiệm hóa sinh thông thường*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 15

Tên môn học: HOÁ SINH II

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- **Vị trí:** Môn học được phân bố vào học kỳ thứ III, sau môn học Hóa sinh I
- **Tính chất:** Là môn học chuyên môn bắt buộc, cung cấp kiến thức về hóa sinh các cơ quan trong cơ thể.

II. Mục tiêu môn học

- **Về kiến thức**
 - + Trình bày được sự trao đổi muối nước và các chất vô cơ
 - + Trình bày được các hệ thống đệm và sự hoạt động của chúng bên trong cơ thể để cân bằng kiềm toan
 - + Trình bày được chức năng sinh hóa của các cơ quan trong cơ thể: gan, thận, máu,...
- **Về kỹ năng**
 - + Chuẩn bị đúng, đủ dụng cụ hóa chất cần thiết cho từng xét nghiệm hóa sinh.
 - + Thực hiện chính xác các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh
 - + Đọc và nhận định được kết quả các xét nghiệm hóa sinh
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện kỹ năng thực hành chính xác, trung thực, tỉ mỉ chính xác khi làm xét nghiệm.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH/TT	Kiểm tra
1	Chương 1: Hóa học và chuyển hóa acid nucleic, hemoglobin.				
	1. Hóa học và chuyển hóa acid nucleic	5	3		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH/ TT	Kiểm tra
	2. Hóa học và chuyển hóa Hemoglobin		2		
	Chương 2: Trao đổi muối nước- Thăng bằng acid-base				
	1. Trao đổi muối nước và các chất vô cơ	6	3		
	2. Thăng bằng acid – base		3		
3	Chương 2.Quá trình sinh hóa tại các cơ quan				
	1. Hóa sinh thận và nước tiểu	9	4		
	2. Hóa sinh gan		2		
	3. Hóa sinh máu và các dịch sinh vật		2		1
4	Chương 3. Xét nghiệm hóa sinh				
	1. Kỹ thuật sử dụng que nhúng nước tiểu 10 thông số			4	
	2. Phản ứng Pandy			2	
	3. Kỹ thuật định lượng Triglycerid trong máu			4	
	4. Kỹ thuật định lượng Cholesterol trong máu			4	
	5. Kỹ thuật định lượng HDL- Cholesterol trong máu			4	
	6. Kỹ thuật định lượng acid uric trong máu			4	
	7. Kỹ thuật định lượng Bilirubin (TP, TT, GT) trong máu			7	1
	CỘNG	50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Hóa học và chuyển hóa acid nucleic, hemoglobin Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được hóa học acid nucleic, hemoglobin và sự chuyển hóa của chúng bên trong cơ thể

2. Nội dung

2.1. Hóa học và chuyển hóa acid nucleic

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Tính chất

2.1.4. Quá trình chuyển hóa

2.2. Hóa học và chuyển hóa Hemoglobin

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Phân loại

2.2.3. Tính chất

2.2.4. Quá trình chuyển hóa

Chương 2: Trao đổi muối nước- Thăng bằng acid base Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò của muối nước đối với cơ thể
- Trình bày được vai trò của các hệ đệm trong sự thăng bằng acid- base của cơ thể
- Trình bày các thông số đánh giá tình trạng thăng bằng acid- base trong cơ thể

2. Nội dung

2.1. Trao đổi muối nước và các chất vô cơ

2.1.1. Vai trò của muối nước và chất vô cơ đối với cơ thể

2.1.2. Sự phân bố

2.1.3. Bilan nước

2.1.4. Rối loạn chuyển hóa muối nước

2.2. Thăng bằng acid – base

2.2.1. Các hệ đệm bên trong cơ thể

2.2.2. Cơ chế hoạt động của các hệ thống đệm

2.2.3. Rối loạn thăng bằng acid-base

Chương 2. Quá trình sinh hóa tại các cơ quan Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được chức phận sinh hóa của các cơ quan bên trong cơ thể: gan, thận,... và các xét nghiệm liên quan đến thăm dò chức năng gan, thận
- Trình bày được tính chất sinh hóa của các dịch sinh học của cơ thể.

2. Nội dung

2.1. Hóa sinh thận và nước tiểu

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Chức năng

2.1.3. Tính chất vật lý- hóa học của nước tiểu

2.1.4. Các xét nghiệm đánh giá chức năng thận

2.2. Hóa sinh gan

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Thành phần hóa học

2.2.3. Chức năng

2.2.4. Các xét nghiệm đánh giá chức năng gan

2.3. Hóa sinh máu và các dịch sinh học

2.3.1. Máu

2.3.2. Nước tiểu

2.3.3. Sữa

2.3.4. Dịch não tủy

2.3.5. Dịch vị

2.3.6. Dịch ruột

2.3.7. Nước bọt

2.3.8. Dịch tràn

2.3.9. Dịch tụy

Chương 3. Xét nghiệm hóa sinh

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên tắc của các xét nghiệm
- Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, hóa chất,... cần thiết cho từng xét nghiệm
- Thực hành được các xét nghiệm đúng theo hướng dẫn

2. Nội dung

2.1. Kỹ thuật sử dụng que nhúng nước tiểu 10 thông số

2.1.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.2. Dụng cụ hóa chất

2.1.3. Tiến hành

2.1.4. Đọc kết quả

2.2. Phản ứng Pandy

2.2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2.2. Dụng cụ hóa chất

2.2.3. Tiến hành

2.2.4. Đọc kết quả

2.3. Kỹ thuật định lượng Triglycerid trong máu

2.3.1. Cơ sở lý thuyết

2.3.2. Dụng cụ hóa chất

2.3.3. Tiến hành

2.3.4. Đọc kết quả

2.4. Kỹ thuật định lượng Cholesterol trong máu

2.4.1. Cơ sở lý thuyết

2.4.2. Dụng cụ hóa chất

2.4.3. Tiến hành

2.4.4. Đọc kết quả

2.5. Kỹ thuật định lượng HDL-Cholesterol trong máu

2.5.1. Cơ sở lý thuyết

2.5.2. Dụng cụ hóa chất

2.5.3. Tiến hành

2.5.4. Đọc kết quả

2.6. Kỹ thuật định lượng acid uric trong máu

2.6.1. Cơ sở lý thuyết

2.6.2. Dụng cụ hóa chất

2.6.3. Tiến hành

2.6.4. Đọc kết quả

2.7. Kỹ thuật định lượng Bilirubin (TP, TT, GT) trong máu

2.7.1. Cơ sở lý thuyết

2.7.2. Dụng cụ hóa chất

2.7.3. Tiến hành

2.7.4. Đọc kết quả

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường, học thực hành tại phòng thực hành Hóa sinh.
2. Trang thiết bị, máy móc: bảng, phấn, máy chiếu, máy sinh hóa bán định lượng...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, bài giảng, dụng cụ, hóa chất...
4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức**
- + Trình bày được sự trao đổi muối nước và các chất vô cơ trong cơ thể
- + Trình bày được các hệ thống đệm và sự hoạt động của chúng bên trong cơ thể để cân bằng kiềm toan
- + Trình bày được chức năng sinh hóa của các cơ quan trong cơ thể: gan, thận, máu,...
- **Kỹ năng**
- + Chuẩn bị đúng, đủ dụng cụ hóa chất cần thiết cho từng xét nghiệm hóa sinh.
- + Thực hiện chính xác các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh
- + Đọc và nhận định được kết quả các xét nghiệm hóa sinh
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện kỹ năng thực hành chính xác, trung thực, tỉ mỉ chính xác khi làm xét nghiệm.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần (lý thuyết + thực hành): trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Chương trình môn học được xây dựng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng liên thông ngành kỹ thuật xét nghiệm.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- **Đối với giảng viên, giáo viên:** Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.
- **Đối với người học:** Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Quá trình sinh hóa tại các cơ quan như gan, thận.
- Thăng bằng acid-base, trao đổi muối nước

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Hóa sinh 2 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Bộ Y Tế (2010), *Hóa sinh (dùng đào tạo Cao đẳng Y học)*, NXB Giáo dục
- Trường Đại Học Y Hà Nội (2003), *Thực tập Hóa Sinh*, NXB Y học
- Bộ Y Tế (2010), *Hóa sinh*, Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội.
- Phan Hải Nam – Học viện Quân Y (2009), *Một số xét nghiệm hóa sinh thông thường*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 16

Tên môn học: HOÁ SINH III

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ thứ V, sau môn Hóa sinh II
- Tính chất: Là môn học chuyên môn bắt buộc, cung cấp kiến thức về quy định mẫu xét nghiệm và nhận định kết quả xét nghiệm.

II. Mục tiêu môn học

- *Về kiến thức*
 - + Trình bày được nguyên lý hoạt động của máy đo quang được sử dụng để định lượng các chất trong cơ thể
 - + Trình bày được các chỉ số sinh hóa máu và cách đọc kết quả của chúng
- *Về kỹ năng*
 - + Chuẩn bị đúng, đủ dụng cụ hóa chất cần thiết cho từng xét nghiệm hóa sinh.
 - + Thực hiện chính xác các kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Rèn luyện kỹ năng thực hành chính xác, trung thực, tỉ mỉ chính xác khi làm xét nghiệm.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Nhận định kết quả xét nghiệm				
	1. Các phép đo quang sử dụng trong xét nghiệm hóa sinh	20	4		
	2. Đọc và biện luận kết quả xét nghiệm hóa sinh máu		5		1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	3. Đọc và biện luận kết quả hóa sinh nước tiểu		3		
	4. Đọc và biện luận kết quả xét nghiệm điện giải đồ		3		
	5. Cận lảng nước tiểu		2		
	6. Nhận và từ chối mẫu xét nghiệm hóa sinh		2		
	Chương 2: Thực hành định lượng các chất trong dịch sinh học				
2	1. Kỹ thuật định lượng Transaminase (GOT, GPT)	30		8	
	2. Kỹ thuật định lượng Ure trong máu và nước tiểu			5	1
	3. Kỹ thuật định lượng Creatinin trong máu và nước tiểu			6	
	4. Kỹ thuật định lượng Amylase trong máu			4	
	5. Điện giải đồ			2	
	6. Cận lảng nước tiểu			4	
Cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Nhận định kết quả xét nghiệm

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cấu tạo máy đo quang và các phép đo quang sử dụng trong xét nghiệm hóa sinh
- Đọc và biện luận được kết quả xét nghiệm sinh hóa

- Giải quyết được các tình huống được đưa ra về kết quả xét nghiệm sinh hóa bất thường

2. Nội dung:

2.1. Các phép đo quang sử dụng trong xét nghiệm hóa sinh

2.1.1. Cấu tạo máy đo quang

2.1.2. Nguyên tắc của máy đo quang

2.1.3. Các phép đo quang được sử dụng trong xét nghiệm hóa sinh

2.2. Đọc và biện luận kết quả xét nghiệm hóa sinh máu

2.2.1. Các thông số thường gặp của xét nghiệm hóa sinh máu

2.2.2. Ý nghĩa của các thông số thường gặp của xét nghiệm hóa sinh máu

2.2.3. Giá trị bình thường của các thông số thường gặp của xét nghiệm hóa sinh máu

2.2.4. Biện luận các kết quả bất thường của các thông số thường gặp của xét nghiệm hóa sinh máu

2.3. Đọc và biện luận kết quả hóa sinh nước tiểu

2.3.1. Các thông số thường gặp của xét nghiệm hóa sinh nước tiểu

2.3.2. Ý nghĩa của các thông số thường gặp của xét nghiệm hóa sinh nước tiểu

2.3.3. Giá trị bình thường của các thông số thường gặp của xét nghiệm hóa sinh nước tiểu

2.3.4. Biện luận các kết quả bất thường của các thông số thường gặp của xét nghiệm hóa sinh nước tiểu

2.4. Đọc và biện luận kết quả xét nghiệm điện giải đồ

2.4.1. Các thông số thường gặp của xét nghiệm điện giải đồ

2.4.2. Ý nghĩa của các thông số của xét nghiệm điện giải đồ

2.4.3. Giá trị bình thường của các thông số thường gặp của xét nghiệm điện giải đồ

2.4.4. Biện luận các kết quả bất thường của xét nghiệm điện giải đồ

2.5. Cận lắng nước tiểu

2.5.1. Nguyên tắc

2.5.2. Chuẩn bị dụng cụ

2.5.3. Phương pháp

2.5.4. Đọc kết quả

2.6. Nhận và từ chối mẫu xét nghiệm hóa sinh

2.6.1. Yêu cầu mẫu xét nghiệm hóa sinh

2.6.2. Các trường hợp từ chối mẫu xét nghiệm hóa sinh

Chương 2: Thực hành định lượng các chất trong dịch sinh học Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên tắc, ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm hóa sinh
- Chuẩn bị đủ các dụng cụ cần thiết để làm kỹ thuật xét nghiệm
- Thực hiện đúng các kỹ thuật theo bảng kiểm
- Đọc và nhận định được kết quả xét nghiệm.

2. Nội dung

2.1. Kỹ thuật định lượng Transaminase (GOT, GPT)

- 2.1.1. Đại cương
- 2.1.2. Chuẩn bị hóa chất dụng cụ
- 2.1.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.1.4. Đánh giá kết quả

2.2. Kỹ thuật định lượng Ure trong máu và nước tiểu

- 2.2.1. Đại cương
- 2.2.2. Chuẩn bị hóa chất dụng cụ
- 2.2.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.2.4. Đánh giá kết quả

2.3. Kỹ thuật định lượng Creatinin trong máu và nước tiểu

- 2.3.1. Đại cương
- 2.3.2. Chuẩn bị hóa chất dụng cụ
- 2.3.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.3.4. Đánh giá kết quả

2.4. Kỹ thuật định lượng Amylase trong máu

- 2.4.1. Đại cương
- 2.4.2. Chuẩn bị hóa chất dụng cụ
- 2.4.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.4.4. Đánh giá kết quả

2.5. Điện giải đồ

- 2.5.1. Đại cương
- 2.5.2. Chuẩn bị hóa chất dụng cụ
- 2.5.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.5.4. Đánh giá kết quả

2.6. Cận lắng nước tiểu

- 2.6.1. Đại cương
- 2.6.2. Chuẩn bị hóa chất dụng cụ
- 2.6.3. Quy trình kỹ thuật

2.6.4. Đánh giá kết quả

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường, học thực hành tại phòng thực hành Hóa sinh.
2. Trang thiết bị, máy móc: bảng, phấn, máy chiếu, máy sinh hóa bán tự động,....
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, video, bài giảng, dụng cụ, hóa chất...
4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

– Kiến thức:

- + Trình bày được nguyên tắc, ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thường quy.
- + Đọc và nhận định được kết quả xét nghiệm hóa sinh

– Kỹ năng:

- + Chuẩn bị được dụng cụ, hóa chất, máy móc khi làm xét nghiệm
- + Thực hiện được các xét nghiệm hóa sinh tại phòng xét nghiệm

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** thể hiện thái độ trung thực, vệ sinh, an toàn, chính xác trong thực hiện các thao tác.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần (lý thuyết + thực hành): trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Chương trình môn học xây dựng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng liên thông ngành kỹ thuật xét nghiệm.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên, giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.
 - Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.
- 3. Những trọng tâm cần chú ý:** nhận định được kết quả xét nghiệm máu, kết quả xét nghiệm nước tiểu,.....

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Hóa sinh 3 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Bộ Y Tế (2010), *Hóa sinh (dùng đào tạo Cao đẳng Y học)*, NXB Giáo dục
- Trường Đại Học Y Hà Nội (2003), *Thực tập Hóa Sinh*, NXB Y học
- Bộ Y Tế (2010), *Hóa sinh*, Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội.
- Phan Hải Nam – Học viện Quân Y (2009), *Một số xét nghiệm hóa sinh thông thường*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- PGS.TS. Nguyễn Đạt Anh, DS CKII. Nguyễn Thị Hương (2013), *Các xét nghiệm thường quy áp dụng trong thực hành lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 17

Tên môn học: HUYẾT HỌC I

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ thứ II
- Tính chất: Là môn học chuyên môn bắt buộc, cung cấp kiến thức chuyên môn về huyết học.

II. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức**
 - + Trình bày được những đặc điểm chính về một số bệnh lý của hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu.
 - + Trình bày được nguyên tắc của từng kỹ thuật xét nghiệm huyết học tế bào.
- **Kỹ năng**
 - + Thực hiện chính xác, thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm huyết học tế bào.
 - + Chuẩn bị đúng, đủ các dụng cụ, hóa chất cho từng xét nghiệm huyết học tế bào.
 - + Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hóa chất chuyên dụng trong xét nghiệm huyết học.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong quá trình làm xét nghiệm.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH / TT	Kiểm tra
1	Chương 1. Bệnh về máu				
	1. Đại cương bệnh thiếu máu	2	2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH / TT	Kiểm tra
	2. Bệnh thiếu máu do thiếu chất sắt	2	2		
	3. Bệnh thiếu máu tan máu	2	2		
	4. Bệnh Thalassemia	2	2		
	5. Hội chứng đa hồng cầu	2	1		1
	6. Bệnh suy tủy xương	2	2		
	7. Bệnh bạch cầu cấp	2	2		
	8. Bệnh bạch cầu kinh	2	2		
	9. Bệnh u lympho ác tính	2	2		
	10. Hội chứng xuất huyết	2	2		
	Chương 2. Xét nghiệm máu				
2	1. Pha một số hóa chất thường dùng trong xét nghiệm huyết học	4		4	
	2. Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu	4		4	
	3. Kỹ thuật đo thể tích khối hồng cầu	4		4	
	4. Kỹ thuật đo tốc độ máu lắng	4		4	
	5. Kỹ thuật xét nghiệm huyết đồ, đọc và phân tích huyết đồ	8		8	
	6. Kỹ thuật làm tiêu bản máu dàn và nhuộm Giemsa	4		4	
	7. Máy phân tích huyết học tự động (nguyên lý, cấu tạo, sử dụng)	2		2	
Cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Bệnh về máu

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng của các bệnh về máu.

2. Nội dung

2.1. Đại cương bệnh thiếu máu

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Hậu quả

2.1.4. Chẩn đoán

2.1.5. Điều trị

2.2. Bệnh thiếu máu do thiếu chất sắt

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Vai trò của sắt và nhu cầu sắt trong cơ thể

2.2.3. Nguyên nhân thiếu sắt

2.2.4. Triệu chứng lâm sàng

2.2.5. Các xét nghiệm chẩn đoán

2.2.6. Điều trị

2.3. Bệnh thiếu máu tan máu

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Cơ chế sinh bệnh

2.3.3. Nguyên nhân sinh bệnh

2.3.4. Triệu chứng lâm sàng

2.3.5. Xét nghiệm chẩn đoán

2.3.6. Điều trị

2.4. Bệnh Thalassemia

2.4.1. Đặc điểm

2.4.2. Các thể bệnh Thalassemia

2.4.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4.4. Xét nghiệm chẩn đoán

2.4.5. Điều trị

2.5. Hội chứng đa hồng cầu

2.5.1. Đại cương

2.5.2. Triệu chứng lâm sàng

2.5.3. Xét nghiệm chẩn đoán

2.5.4. Biến chứng

- 2.5.5. Điều trị
- 2.6. Bệnh suy tủy xương
 - 2.6.1. Đại cương
 - 2.6.2. Nguyên nhân sinh bệnh
 - 2.6.3. Cơ chế sinh bệnh
 - 2.6.4. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.6.5. Xét nghiệm chẩn đoán
 - 2.6.6. Chẩn đoán phân biệt
 - 2.6.7. Điều trị
- 2.7. Bệnh bạch cầu cấp
 - 2.7.1. Định nghĩa
 - 2.7.2. Nguyên nhân
 - 2.7.3. Triệu chứng
 - 2.7.4. Chẩn đoán
 - 2.7.5. Điều trị
- 2.8. Bệnh bạch cầu kinh
 - 2.8.1. Định nghĩa
 - 2.8.2. Nguyên nhân
 - 2.8.3. Triệu chứng
 - 2.8.4. Chẩn đoán
 - 2.8.5. Điều trị
- 2.9. Bệnh u lympho ác tính
 - 2.9.1. Khái niệm
 - 2.9.2. Nguyên nhân
 - 2.9.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.9.4. Xét nghiệm chẩn đoán
 - 2.9.5. Điều trị
- 2.10. Hội chứng xuất huyết
 - 2.10.1. Khái niệm
 - 2.10.2. Triệu chứng lâm sàng

- 2.10.3. Cơ chế xuất huyết
- 2.10.4. Phân loại xuất huyết theo nhóm nguyên nhân
- 2.10.5. Xét nghiệm chẩn đoán
- 2.10.6. Điều trị

Chương 2. Xét nghiệm máu

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu: Thực hiện được những kỹ thuật xét nghiệm cơ bản về huyết học.

2. Nội dung

2.1. Pha một số hóa chất thường dùng trong xét nghiệm huyết học

2.1.1. Chuẩn bị hóa chất, dụng cụ

2.1.2. Quy trình kỹ thuật

2.2. Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu

2.2.1. Nguyên tắc

2.2.2. Máu xét nghiệm, hóa chất và dụng cụ

2.2.3. Kỹ thuật

2.2.4. Nguyên nhân sai số

2.3. Kỹ thuật đo thể tích khối hồng cầu

2.3.1. Nguyên tắc

2.3.2. Máu xét nghiệm, hóa chất và dụng cụ

2.3.3. Kỹ thuật

2.3.4. Nguyên nhân sai số

2.4. Kỹ thuật đo tốc độ máu lắng

2.4.1. Nguyên tắc

2.4.2. Máu xét nghiệm, hóa chất và dụng cụ

2.4.3. Kỹ thuật

2.4.4. Nguyên nhân sai số

2.5. Kỹ thuật xét nghiệm huyết đồ, đọc và phân tích huyết đồ

2.5.1. Khái niệm

2.5.2. Dụng cụ, hóa chất

2.5.3. Các thông số cần thiết

2.5.4. Phương pháp phân tích kết quả

2.6. Kỹ thuật lấy máu làm tiêu bản và nhuộm

2.6.1. Nguyên tắc

2.6.2. Dụng cụ - thuốc thử

2.6.3. Quy trình kỹ thuật

2.7. Máy phân tích huyết học tự động (nguyên lý, cấu tạo, sử dụng)

2.7.1. Nguyên lý

2.7.2. Cấu tạo

2.7.3. Cách sử dụng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường, học thực hành tại phòng thực hành Huyết học.
2. Trang thiết bị, máy móc: bảng, phấn, máy chiếu, ...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, bài giảng, dụng cụ, hóa chất...
4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Về kiến thức*: trình bày được các kiến thức bệnh về máu, liên hệ được giữa kiến thức và thực tế.
- *Về kỹ năng*: thực hiện được các xét nghiệm thường quy liên quan đến huyết học tế bào.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: thể hiện thái độ trung thực, vệ sinh, an toàn, chính xác trong thực hiện các thao tác.

2. Phương pháp

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội
- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Chương trình môn học Huyết học 1 xây dựng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng liên thông ngành kỹ thuật xét nghiệm.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên, giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.
- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Huyết học 1 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Hà Thị Anh (2009), *Huyết học - truyền máu*, NXB Y học, Hà Nội
- Hà Thị Anh (2009), *Kỹ thuật xét nghiệm huyết học - truyền máu*, NXB Y học, Hà Nội.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 18

Tên môn học: HUYẾT HỌC II

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ thứ III, sau môn học Huyết học 1.
- Tính chất: Là môn học chuyên môn bắt buộc, cung cấp kiến thức về huyết học.

II. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức**
 - + Trình bày được những đặc điểm chính về hệ thống kháng nguyên, kháng thể của hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu.
 - + Trình bày được những đặc điểm chính về các chế phẩm máu sử dụng trong lâm sàng, an toàn trong truyền máu và các tai biến xảy ra trong truyền máu
 - + Trình bày được nguyên tắc của một số kỹ thuật xét nghiệm huyết học tế bào, truyền máu.
 - + Chuẩn bị đúng, đủ các dụng cụ, hóa chất cho từng xét nghiệm huyết học truyền máu.
- **Kỹ năng**
 - + Thực hiện chính xác, thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm trong truyền máu.
 - + Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hóa chất chuyên dụng trong xét nghiệm huyết học truyền máu.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong quá trình làm xét nghiệm.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH/TT	Kiểm tra
1	Chương 1. Miễn dịch truyền máu huyết học, các chế phẩm từ máu, an toàn trong truyền				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH/TT	Kiểm tra
	máu				
	1. Các kháng nguyên – kháng thể của nhóm máu hệ hồng cầu	3	3		
	2. Hệ thống nhóm máu ABO	3	3		
	3. Các hệ thống nhóm máu hồng cầu ngoài hệ ABO: hệ nhóm máu Rhesus và các hệ nhóm máu khác	3	3		
	4. Hệ thống kháng nguyên bạch cầu, tiểu cầu	2	2		
	5. Sản xuất, bảo quản, sử dụng máu và các chế phẩm máu	3	2		1
	6. An toàn truyền máu và các biện pháp để đảm bảo an toàn trong truyền máu	2	2		
	7. Tuyển chọn người cho máu	2	2		
	8. Tai biến do truyền máu	2	2		
	Chương 2. Xét nghiệm máu				
2	1. Kỹ thuật đếm phân loại bạch cầu	8		8	
	2. Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu lưới	4		3	1
	3. Kỹ thuật đo sức bền hồng cầu	2		2	
	4. Kỹ thuật sản xuất hồng cầu mẫu	4		4	
	5. Kỹ thuật định nhóm máu hệ ABO, Rh	4		4	
	6. Kỹ thuật làm nghiệm pháp Coombs	4		4	
	7. Kỹ thuật thử phản ứng chéo	4		4	
Tổng cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Miễn dịch huyết học truyền máu, các chế phẩm từ máu, an toàn truyền máu

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được nội dung chính về miễn dịch huyết học, hệ thống nhóm máu – kháng nguyên trên bề mặt hồng cầu, huyết thanh; phương pháp điều chế hồng cầu mẫu và các kỹ thuật định nhóm máu, thử phản ứng chéo. Nêu được công dụng và phương pháp để lưu trữ máu và các chế phẩm từ máu.

2. Nội dung

2.1. Các kháng nguyên – kháng thể của nhóm máu hệ hồng cầu

2.1.1. Kháng nguyên hồng cầu

2.1.2. Kháng thể nhóm máu

2.1.3. Phản ứng kháng nguyên và kháng thể nhóm máu

2.2. Hệ thống nhóm máu ABO

2.2.1. Lịch sử phát hiện

2.2.2. Đặc điểm của 4 nhóm máu chính hệ ABO

2.2.3. Kháng nguyên hệ ABO

2.2.4. Kháng thể hệ ABO

2.3. Các hệ thống nhóm máu hồng cầu ngoài hệ ABO: hệ nhóm máu Rhesus và các hệ nhóm máu khác

2.3.1. Hệ thống nhóm máu Rhesus

2.3.2. Hệ nhóm máu Kell

2.3.3. Hệ nhóm máu Kidd

2.3.4. Hệ nhóm máu Duffy

2.3.5. Hệ nhóm máu Lewis

2.3.6. Hệ nhóm máu MNS

2.4. Hệ thống kháng nguyên bạch cầu, tiểu cầu

2.4.1. Hệ kháng nguyên bạch cầu

2.4.2. Hệ kháng nguyên tiểu cầu

2.5. Sản xuất, bảo quản, sử dụng máu và các chế phẩm máu

2.5.1. Đại cương

2.5.2. Điều chế thành phẩm máu

2.5.3. Điều chế và sử dụng chế phẩm hồng cầu

- 2.5.4. Điều chế và sử dụng chế phẩm tiêu cầu
- 2.5.5. Điều chế và sử dụng bạch cầu hạt
- 2.5.6. Điều chế và sử dụng chế phẩm huyết tương
- 2.6. An toàn truyền máu và các biện pháp để đảm bảo an toàn trong truyền máu
 - 2.6.1. Quy tắc và chỉ định truyền máu
 - 2.6.2. Quy định trong truyền máu
 - 2.6.3. Tai biến trong truyền máu
 - 2.6.4. An toàn cho người cho máu
 - 2.6.5. An toàn cho nhân viên
 - 2.6.6. An toàn cho người nhận máu
- 2.7. Tuyển chọn người cho máu
 - 2.7.1. Nguyên tắc tuyển chọn người cho máu
 - 2.7.2. Điều kiện và tiêu chuẩn sức khỏe để tuyển chọn người hiến máu
 - 2.7.3. Những đối tượng không được hiến máu
 - 2.7.4. Khoảng cách giữa các lần hiến máu và chế phẩm
- 2.8. Tai biến do truyền máu
 - 2.8.1. Phản ứng tan máu cấp do truyền máu
 - 2.8.2. Phản ứng dị ứng
 - 2.8.3. Phản ứng sốt
 - 2.8.4. Tai biến truyền máu do nhiễm trùng
 - 2.8.5. Nhiễm chất sắt do truyền máu quá nhiều
 - 2.8.6. Tai biến quá tải tuần hoàn, rối loạn đông máu và nhiễm độc citrate

Chương 2. Xét nghiệm máu

Thời gian: 30 giờ

- 1. Mục tiêu:** Trình bày và thực hiện được các kỹ thuật liên quan đến xét nghiệm huyết học tế bào và truyền máu truyền máu.
- 2. Nội dung**
 - 2.1. Kỹ thuật đếm phân loại bạch cầu
 - 2.1.1. Nguyên tắc
 - 2.1.2. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.1.3. Quy trình kỹ thuật
 - 2.2. Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu lưới
 - 2.2.1. Nguyên tắc
 - 2.2.2. Dụng cụ - thuốc thử

- 2.2.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.3. Kỹ thuật đo sức bền hồng cầu
 - 2.3.1. Nguyên tắc
 - 2.3.2. Mục đích
 - 2.3.3. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.3.4. Quy trình kỹ thuật
- 2.4. Kỹ thuật sản xuất hồng cầu mẫu
 - 2.4.1. Nguyên tắc
 - 2.4.2. Mục đích
 - 2.4.3. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.4.4. Quy trình kỹ thuật
- 2.5. Kỹ thuật định nhóm máu hệ ABO, Rh
 - 2.5.1. Nguyên tắc
 - 2.5.2. Mục đích
 - 2.5.3. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.5.4. Quy trình kỹ thuật
- 2.6. Kỹ thuật làm nghiệm pháp Coombs
 - 2.6.1. Nguyên tắc
 - 2.6.2. Mục đích
 - 2.6.3. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.6.4. Quy trình kỹ thuật
- 2.7. Kỹ thuật thử phản ứng chéo
 - 2.7.1. Nguyên tắc
 - 2.7.2. Mục đích
 - 2.7.3. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.7.4. Quy trình kỹ thuật

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường, học thực hành tại phòng thực hành Huyết học.
2. Trang thiết bị, máy móc: bảng, phấn, máy chiếu, ...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, video, bài giảng, dụng cụ, hóa chất...
4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Về kiến thức*: trình bày được các kiến về miễn dịch truyền máu, thực hiện được các xét nghiệm thường qui trong truyền máu.
- *Về kỹ năng*: liên hệ được giữa kiến thức và thực tế.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: thể hiện thái độ trung thực, vệ sinh, an toàn, chính xác trong thực hiện các thao tác.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Chương trình môn học Huyết học 2 xây dựng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng liên thông ngành kỹ thuật xét nghiệm.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên, giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.
- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Huyết học 2 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Hà Thị Anh (2009), *Huyết học - truyền máu*, NXB Y học, Hà Nội
- Hà Thị Anh (2009), *Kỹ thuật xét nghiệm huyết học - truyền máu*, NXB Y học, Hà Nội.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 19

Tên môn học: HUYẾT HỌC III

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ thứ IV, sau môn học Huyết học II.
- Tính chất: Là môn học chuyên môn bắt buộc, cung cấp kiến thức về huyết học.

II. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức**
 - + Nêu được cơ chế cầm máu-đông máu, vai trò của các yếu tố giúp hình thành cục máu đông và nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng của bệnh liên quan đến cầm máu-đông máu.
 - + Trình bày và thực hiện được các kỹ thuật liên quan đến xét nghiệm máu: thời gian máu chảy máu đông, co cục máu, đông máu huyết tương.
- **Kỹ năng**
 - + Thực hiện chính xác, thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm huyết.
 - + Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hóa chất chuyên dụng trong xét nghiệm huyết học.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong quá trình làm xét nghiệm.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH/TT	Kiểm tra
1	Chương 1: Bệnh về đông cầm máu				
	Chức năng mạch máu trong cầm máu và đông máu	3	3		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH/TT	Kiểm tra
	Đặc tính và chức năng của tiểu cầu	3	3		
	Đại cương cơ chế cầm máu – đông máu	8	8		
	Bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu	3	2		1
	Bệnh Hemophilia	3	3		
2	Chương 2: Xét nghiệm đông cầm máu				
	Kỹ thuật đo thời gian máu chảy, máu đông (TS, TC)	4		4	
	Kỹ thuật khảo sát sự co cục máu	4		3	1
	Kỹ thuật khảo sát độ tập trung tiểu cầu	4		4	
	4. Kỹ thuật khảo sát thời gian Quick bằng máy đông máu bán tự động	4		4	
	5. Kỹ thuật khảo sát thời gian Thromboplastin từng phần hoạt hóa (aPTT) bằng máy đông máu bán tự động	4		4	
	6. Kỹ thuật định lượng Fibrinogen bằng máy đông máu bán tự động	2		2	
	7. Phân tích kết quả đông máu	8		8	
Cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Bệnh về đông cầm máu

Thời gian: 20 giờ

- Mục tiêu:** Nêu được cơ chế cầm máu-đông máu, vai trò của các yếu tố giúp hình thành cục máu đông và nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng của bệnh liên quan đến cầm máu-đông máu.

2. Nội dung

2.1. Chức năng mạch máu trong cầm máu và đông máu

- 2.1.1. Đặc điểm mô học các lớp thành mạch
- 2.1.2. Vai trò của nội mạc mạch máu trong quá trình cầm máu
- 2.1.3. Vai trò của nội mạc mạch máu trong quá trình đông máu

2.2. Đặc tính và chức năng của tiểu cầu

- 2.2.1. Nguồn gốc và hình thái học tiểu cầu
- 2.2.2. Các đặc điểm cơ bản về cấu trúc và sinh hóa tiểu cầu
- 2.2.3. Các đặc tính và chức năng của tiểu cầu

2.3. Đại cương cơ chế cầm máu – đông máu

- 2.3.1. Đại cương
- 2.3.2. Các yếu tố tham gia hoạt hóa đông cầm máu
- 2.3.3. Các giai đoạn của đông cầm máu trong cơ thể
- 2.3.4. Các chất ức chế đông máu sinh lý

2.4. Bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu

- 2.4.1. Định nghĩa
- 2.4.2. Sinh lý bệnh
- 2.4.3. Dịch tễ
- 2.4.4. Triệu chứng lâm sàng
- 2.4.5. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.4.6. Chẩn đoán
- 2.4.7. Tiến triển và tiên lượng
- 2.4.8. Điều trị

1.1. Bệnh Hemophilia

- 1.1.1. Định nghĩa
- 1.1.2. Sinh lý bệnh
- 1.1.3. Dịch tễ
- 1.1.4. Triệu chứng lâm sàng
- 1.1.5. Triệu chứng cận lâm sàng
- 1.1.6. Chẩn đoán
- 1.1.7. Tiến triển và tiên lượng
- 1.1.8. Điều trị

Chương 2. Xét nghiệm đông cầm máu

Thời gian: 30 giờ

- 1. Mục tiêu:** Trình bày và thực hiện được các kỹ thuật liên quan đến xét nghiệm máu: thời gian máu chảy máu đông, co cục máu, đông máu huyết tương.
- 2. Nội dung**
 - 2.1. Kỹ thuật đo thời gian máu chảy, máu đông (TS, TC)
 - 2.1.1. Nguyên lý
 - 2.1.2. Ý nghĩa
 - 2.1.3. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.1.4. Quy trình kỹ thuật
 - 2.2. Kỹ thuật khảo sát sự co cục máu
 - 2.2.1. Nguyên lý
 - 2.2.2. Ý nghĩa
 - 2.2.3. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.2.4. Quy trình kỹ thuật
- 2.3. Kỹ thuật khảo sát độ tập trung tiểu cầu**
 - 2.3.1. Nguyên lý
 - 2.3.2. Ý nghĩa
 - 2.3.3. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.3.4. Quy trình kỹ thuật
- 2.4. Nghiệm pháp dây thắt**
 - 2.4.1. Nguyên lý
 - 2.4.2. Ý nghĩa
 - 2.4.3. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.4.4. Quy trình kỹ thuật
- 2.5. Kỹ thuật xét nghiệm thời gian Quick bằng máy đông máu bán tự động**
 - 2.5.1. Nguyên lý
 - 2.5.2. Ý nghĩa
 - 2.5.3. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.5.4. Quy trình kỹ thuật
- 2.6. Kỹ thuật xét nghiệm thời gian Thromboplastin từng phần hoạt hóa (aPTT) bằng máy đông máu bán tự động**
 - 2.6.1. Nguyên lý
 - 2.6.2. Ý nghĩa
 - 2.6.3. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.6.4. Quy trình kỹ thuật
- 2.7. Kỹ thuật định lượng Fibrinogen bằng máy đông máu bán tự động**
 - 2.7.1. Nguyên lý
 - 2.7.2. Ý nghĩa
 - 2.7.3. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.7.4. Quy trình kỹ thuật

2.8. Phân tích kết quả đông máu

- 2.8.1. Trường hợp TS kéo dài, SLTC bình thường, TQ bình thường, TCK bình thường
- 2.8.2. Trường hợp TS kéo dài, SLTC giảm, TQ bình thường, TCK bình thường
- 2.8.3. Trường hợp TS bình thường, SLTC bình thường, TQ kéo dài, TCK bình thường
- 2.8.4. Trường hợp TS bình thường, SLTC bình thường, TQ bình thường, TCK kéo dài
- 2.8.5. Trường hợp TS bình thường, SLTC bình thường, TQ kéo dài, TCK kéo dài
- 2.8.6. Trường hợp TS kéo dài, SLTC giảm, TQ kéo dài, TCK kéo dài

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường, học thực hành tại phòng thực hành Huyết học.
- 2. Trang thiết bị, máy móc: bảng, phấn, máy chiếu, ...
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, video, bài giảng, dụng cụ, hóa chất...
- 4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: trình bày được các kiến thức về đông cầm máu, các bệnh về đông cầm máu, thực hiện được các xét nghiệm đông cầm máu thường quy.
- Về kỹ năng: liên hệ được giữa kiến thức và thực tế.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: thể hiện thái độ trung thực, vệ sinh, an toàn, chính xác trong thực hiện các thao tác.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Chương trình môn học Huyết học 3 xây dựng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng liên thông ngành kỹ thuật xét nghiệm.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên, giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.
- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Huyết học 3 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Hà Thị Anh (2009), *Huyết học - truyền máu*, NXB Y học, Hà Nội
- Hà Thị Anh (2009), *Kỹ thuật xét nghiệm huyết học - truyền máu*, NXB Y học, Hà Nội.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 20

Tên môn học: KÝ SINH TRÙNG I

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được học kỳ thứ II.
- Tính chất: Là môn học chuyên môn bắt buộc, cung cấp kiến thức về ký sinh trùng ký sinh trên người.

II. Mục tiêu môn học

- *Về kiến thức*
 - + Trình bày được các khái niệm cơ bản về ký sinh trùng y học, cách phân loại, đặc điểm sinh thái, bệnh học, tác hại và các biện pháp phòng chống các bệnh ký sinh trùng.
 - + Nhận biết được hình thể con trưởng thành và trứng giun, sán trong bệnh phẩm.
- *Về kỹ năng:* Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản ký sinh trùng y học.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Rèn luyện kỹ năng thực hành chính xác, trung thực, tỉ mỉ chính xác khi làm xét nghiệm về ký sinh trùng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về ký sinh trùng và giun sán				
	1. Đại cương Ký sinh trùng	2	2		
	2. Đại cương về giun sán	2	2		
	3. Giun đũa	1	1		
	4. Giun móc, mỏ	1	1		

	5. Giun tóc, Giun kim	2	2		
	6. Giun lươn	1	1		
	7. Giun xoắn	1	1		
	8. Giun chỉ	2	1		1
2	Chương 2. Sán				
	1. Các loại sán lá thường gặp	4	4		
	2. Các loại sán dây thường gặp	4	4		
3	Chương 3: Kỹ thuật xét nghiệm ký sinh trùng				
	1. Các phương pháp lấy và bảo quản bệnh phẩm trong phòng xét nghiệm ký sinh trùng	4		4	
	2. Kỹ thuật xét nghiệm phân trực tiếp	6		6	
	3. Quan sát hình thể trứng giun (Giun đũa, giun kim, giun móc, giun tóc, giun chỉ, giun lươn, giun xoắn) và một số loại sán thường gặp. Soi phân, tìm và nhận dạng trứng giun, sán	20		19	1
Tổng cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về ký sinh trùng và giun sán

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các khái niệm cơ bản về ký sinh trùng y học, cách phân loại, đặc điểm sinh thái, bệnh học, tác hại, biện pháp phòng chống giun ký sinh.

2. Nội dung

2.1. Đại cương Ký sinh trùng

2.1.1. Vị trí và tầm quan trọng của môn học

2.1.2. Ký sinh trùng, ký chủ và chu trình phát triển

2.1.3. Đặc điểm chung của ký sinh trùng

2.1.4. Phân loại ký sinh trùng

2.1.5. Tác hại của ký sinh trùng

- 2.1.6. Đặc điểm về dịch tễ và chẩn đoán bệnh do KST
- 2.1.7. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh do KST
- 2.1.8. Danh pháp các loại KST

2.2. Đại cương về giun sán

- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Tính chất ký sinh của giun sán
- 2.1.3. Phân loại giun sán
- 2.1.4. Tác hại của giun sán
- 2.1.5. Chẩn đoán bệnh do giun sán
- 2.1.6. Điều trị bệnh giun sán
- 2.1.7. Phòng bệnh giun sán

2.3. Giun đũa

- 2.1.1. Hình thể
- 2.1.2. Chu trình phát triển
- 2.1.3. Dịch tễ
- 2.1.4. Bệnh học
- 2.1.5. Chẩn đoán
- 2.1.6. Điều trị
- 2.1.7. Phòng bệnh

2.4. Giun móc

- 2.1.1. Hình thể
- 2.1.2. Chu trình phát triển
- 2.1.3. Dịch tễ
- 2.1.4. Bệnh học
- 2.1.5. Chẩn đoán
- 2.1.6. Điều trị
- 2.1.7. Phòng bệnh

2.5. Giun tóc, Giun kim

- 2.1.1. Hình thể
- 2.1.2. Chu trình phát triển
- 2.1.3. Dịch tễ
- 2.1.4. Bệnh học
- 2.1.5. Chẩn đoán
- 2.1.6. Điều trị
- 2.1.7. Phòng bệnh

2.6. Giun lươn

- 2.1.1. Hình thể
- 2.1.2. Chu trình phát triển
- 2.1.3. Dịch tễ
- 2.1.4. Bệnh học

- 2.1.5. Chẩn đoán
- 2.1.6. Điều trị
- 2.1.7. Phòng bệnh
- 2.7. Giun xoắn**
- 2.1.1. Hình thể
- 2.1.2. Chu trình phát triển
- 2.1.3. Dịch tễ
- 2.1.4. Bệnh học
- 2.1.5. Chẩn đoán
- 2.1.6. Điều trị
- 2.1.7. Phòng bệnh
- 2.8. Giun chỉ**
- 2.1.1. Hình thể
- 2.1.2. Chu trình phát triển
- 2.1.3. Dịch tễ
- 2.1.4. Bệnh học
- 2.1.5. Chẩn đoán
- 2.1.6. Điều trị
- 2.1.7. Phòng bệnh

**Chương 2. Sán
giò**

Thời gian: 8

1. Mục tiêu: Trình bày được các khái niệm cơ bản về ký sinh trùng y học, cách phân loại, đặc điểm sinh thái, bệnh học, tác hại và các biện pháp phòng chống sán.

2. Nội dung

2.1. Các loại sán lá thường gặp

- 2.1.1. Đặc điểm chung
- 2.1.2. Sán lá ruột
- 2.1.3. Sán lá gan lớn
- 2.1.4. Sán lá gan nhỏ
- 2.1.5. Sán lá phổi
- 2.1.6. Sán máng

2.2. Các loại sán dây thường gặp

- 2.2.1. Đặc điểm chung
- 2.2.2. Sán dải heo
- 2.2.3. Sán dải bò
- 2.2.4. Sán dải cá
- 2.2.5. Sán dải lùn
- 2.2.6. Sán dải chó

1. Mục tiêu: Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản ký sinh trùng y học. Nhận biết được hình thể con trưởng thành và trứng giun, sán. Rèn luyện kỹ năng thực hành chính xác, trung thực, tỉ mỉ chính xác khi làm xét nghiệm về ký sinh trùng.

2. Nội dung**2.1. Các phương pháp lấy và bảo quản phân trong phòng xét nghiệm ký sinh trùng**

2.1.1. Thu thập bệnh phẩm

2.1.2. Bảo quản bệnh phẩm

2.2. Kỹ thuật xét nghiệm phân

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Quan sát đại thể

2.2.3. Quan sát vi thể

2.2.4. Kỹ thuật xét nghiệm phân trực tiếp

2.3. Quan sát hình thể trứng giun, ấu trùng (giun đũa, giun kim, giun móc, giun tóc, giun chỉ, giun lươn, giun xoắn) và một số loại sán thường gặp. Soi phân, tìm và nhận dạng trứng giun, sán

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Dụng cụ, hóa chất

2.3.3. Quy trình làm tiêu bản

2.3.4. Khảo sát tiêu bản dưới kính hiển vi

2.3.5. Vệ sinh dụng cụ và xử lý bệnh phẩm

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường, học thực hành tại phòng thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng.

2. Trang thiết bị, máy móc: Bảng, phấn, máy chiếu,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, video, bài giảng, dụng cụ, hóa chất...

4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá**1. Nội dung**

– **Kiến thức:** Mô tả và nhận dạng được hình thể con trưởng thành, trứng hoặc ấu trùng của các loại ký sinh trùng; trình bày được những khái niệm cơ bản về ký

sinh trùng, ký chủ, chu kỳ, giúp học sinh nắm được đặc điểm hình thể, đặc điểm sinh thái các loại ký sinh trùng.

- **Kỹ năng:** Liên hệ được giữa kiến thức và thực tế.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Thể hiện thái độ trung thực, vệ sinh, an toàn và chính xác trong thực hiện các thao tác.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động - Thương Binh và Xã Hội.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Chương trình môn học Ký sinh trùng I xây dựng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng liên thông ngành kỹ thuật xét nghiệm.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên, giáo viên: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.
- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Ký sinh trùng 1 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Bộ Y tế (2016), *Ký sinh trùng*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2016), *Ký sinh trùng thực hành*, NXB Y học, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 21

Tên môn học: KÝ SINH TRÙNG II

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ thứ III, sau môn học Ký sinh trùng I.
- Tính chất: Là môn học chuyên môn bắt buộc

II. Mục tiêu môn học

- **Về kiến thức**
 - + Trình bày đặc điểm và khả năng gây bệnh của đơn bào, amip, trùng lông, trùng roi.
 - + Trình bày đặc điểm, khả năng gây bệnh của ký sinh trùng sốt rét và biện pháp phòng chống bệnh sốt rét.
- **Về kỹ năng:** Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản ký sinh trùng y học. Rèn luyện kỹ năng thực hành chính xác, trung thực, tỉ mỉ chính xác khi làm xét nghiệm về ký sinh trùng, đơn bào và nấm thường gặp.
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Thể hiện thái độ chủ động, siêng năng trong học tập.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục tiêu	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về đơn bào, amip, trùng lông, trùng roi				
	1. Đại cương về đơn bào	2	2		
	2. Amip gây bệnh	2	2		
	3. Trùng lông (<i>Balantidium coli</i>)	1	1		

	4. Trùng roi (<i>Trichomonas vaginalis</i> , <i>Giardia lamblia</i>)	1	1		
	5. Các đơn bào hiếm gặp	1	1		
	6. Các kỹ thuật xét nghiệm đơn bào	2	2		
2	Chương 2: Bệnh sốt rét	1	1		
	1. Ký sinh trùng sốt rét	3	3		
	2. Bệnh sốt rét	2	2		
	3. Dịch tễ học sốt rét	1	1		
	4. Ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc	2	2		
	5. Chương trình quốc gia phòng chống sốt rét	2	1		1
3	Chương 3: Xét nghiệm đơn bào				
	1. Kỹ thuật xét nghiệm phân trực tiếp	4		4	
	2. Kỹ thuật xét nghiệm phân Willis	4		4	
	3. Kỹ thuật xét nghiệm máu tìm ấu trùng giun chỉ, quan sát ấu trùng giun chỉ trên tiêu bản mẫu	8		8	
	4. Kỹ thuật xét nghiệm máu ký sinh trùng sốt rét, quan sát ký sinh trùng sốt rét trên tiêu bản mẫu	8		8	
	5. Quan sát đơn bào đường ruột trên tiêu bản mẫu, soi bệnh phẩm tìm <i>Trichomonas vaginalis</i> , <i>Giardia lamblia</i>	6		5	1
	Tổng cộng	50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về đơn bào, amip, trùng lông, trùng roi Thời gian: 9 giờ

1. **Mục tiêu:** Trình bày đặc điểm và khả năng gây bệnh của đơn bào, amip, trùng lông, trùng roi.
2. **Nội dung**
 - 2.1. **Đại cương về đơn bào**
 - 2.1.1. Cấu tạo
 - 2.1.2. Hình thể và kích thước
 - 2.1.3. Sinh thái của đơn bào
 - 2.1.4. Phân loại đơn bào
 - 2.1.5. Sự đáp ứng miễn dịch trong các bệnh do đơn bào
 - 2.2. **Amip gây bệnh (*Entamoeba histolytica*)**
 - 2.2.1. Hình thể
 - 2.2.2. Chu trình phát triển
 - 2.2.3. Lâm sàng
 - 2.2.4. Chẩn đoán
 - 2.2.5. Dịch tễ
 - 2.2.6. Dự phòng
 - 2.2.7. Điều trị
 - 2.3. **Trùng lông (*Balantidium coli*)**
 - 2.3.1. Hình thể
 - 2.3.2. Chu trình phát triển
 - 2.3.3. Lâm sàng
 - 2.3.4. Chẩn đoán
 - 2.3.5. Dịch tễ
 - 2.3.6. Dự phòng
 - 2.3.7. Điều trị
 - 2.4. **Trùng roi (*Giardia intestinalis, Trichomonas vaginalis*)**
 - 2.4.1. Hình thể
 - 2.4.2. Chu trình phát triển
 - 2.4.3. Lâm sàng
 - 2.4.4. Chẩn đoán
 - 2.4.5. Dịch tễ
 - 2.4.6. Dự phòng
 - 2.4.7. Điều trị
 - 2.5. **Các đơn bào hiếm gặp**
 - 2.5.1. *Toxoplasma*
 - 2.5.2. *Leishmania*
 - 2.6. **Các kỹ thuật xét nghiệm đơn bào**
 - 2.6.1. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.6.2. Phương pháp lấy bệnh phẩm
 - 2.6.3. Soi tươi phát hiện đơn bào

- 2.6.4. Nhuộm
- 2.6.5. Nuôi cấy
- 2.6.6. Chẩn đoán miễn dịch các bệnh do đơn bào

Chương 2: Bệnh sốt rét

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày đặc điểm, khả năng gây bệnh của ký sinh trùng sốt rét và biện pháp phòng chống bệnh sốt rét.

2. Nội dung

2.1. Ký sinh trùng sốt rét

- 2.1.1. Đại cương
- 2.1.2. Hình thể
- 2.1.3. Chu trình phát triển

2.2. Bệnh sốt rét

- 2.2.1. Bệnh học
- 2.2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.2.3. Chẩn đoán
- 2.2.4. Điều trị
- 2.2.5. Miễn dịch trong sốt rét

2.3. Dịch tễ học sốt rét

- 2.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến dịch tễ học sốt rét
- 2.3.2. Phân vùng sốt rét tại Việt Nam
- 2.3.3. Đặc điểm dịch tễ học sốt rét ở Việt Nam

2.4. Ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc

- 2.4.1. Định nghĩa
- 2.4.2. Cơ chế kháng thuốc
- 2.4.3. Các yếu tố gây kháng thuốc
- 2.4.4. Tình hình ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc
- 2.4.5. Hậu quả của kháng thuốc
- 2.4.6. Biện pháp khắc phục kháng thuốc

2.5. Chương trình quốc gia phòng chống sốt rét

- 2.5.1. Tình hình chung
- 2.5.2. Nguyên tắc phòng chống
- 2.5.3. Mục tiêu và giải pháp chuyên môn kỹ thuật

Chương 3: Kỹ thuật xét nghiệm ký sinh trùng

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu: Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản ký sinh trùng y học. Rèn luyện kỹ năng thực hành chính xác, trung thực, tỉ mỉ chính xác khi làm xét nghiệm về ký sinh trùng, đơn bào thường gặp.

2. Nội dung

2.1. Kỹ thuật xét nghiệm phân trực tiếp

- 2.1.1. Dụng cụ

- 2.1.2. Quy trình làm tiêu bản
- 2.1.3. Tiêu chuẩn của một tiêu bản tốt
- 2.1.4. Khảo sát tiêu bản dưới kính hiển vi
- 2.1.5. Những sai lầm nên tránh
- 2.1.6. Cách trả lời kết quả xét nghiệm phân
- 2.1.7. Cách xử lý dụng cụ đã dùng và bệnh phẩm

2.2. Kỹ thuật xét nghiệm phân Willis

- 2.2.1. Mục tiêu
- 2.2.2. Chuẩn bị phương tiện
- 2.2.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.2.4. Đánh giá

2.3. Kỹ thuật xét nghiệm máu tìm ấu trùng giun chỉ, quan sát ấu trùng giun chỉ trên tiêu bản mẫu.

- 2.3.1. Đại cương
- 2.3.2. Kỹ thuật Knott
 - 2.3.2.1. **Dụng cụ**
 - 2.3.2.2. **Hóa chất**
 - 2.3.2.3. **Quy trình thao tác**

2.4. Quan sát đơn bào đường ruột trên tiêu bản mẫu, soi bệnh phẩm tìm *Trichomonas vaginalis*, *Giardia lamblia*.

- 2.4.1. Đại cương
- 2.4.2. Dụng cụ và hóa chất
- 2.4.3. Kỹ thuật nhuộm tiêu bản, quy trình làm tiêu bản và nhận xét tiêu bản
- 2.4.4. Khảo sát tiêu bản dưới kính hiển vi
- 2.4.5. Đọc kết quả và nhận xét

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường, học thực hành tại phòng thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng.
2. Trang thiết bị, máy móc: bảng, phấn, máy chiếu, ...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, video, dụng cụ, hóa chất, tiêu bản mẫu.
4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức*: mô tả và nhận dạng được hình thể con trưởng thành, trứng hoặc bào nang của các loại ký sinh trùng; trình bày được những khái niệm cơ bản về ký sinh trùng, vật chủ, chu kỳ, giúp học sinh nắm được đặc điểm hình thể, đặc điểm sinh thái các loại ký sinh trùng, đơn bào gây bệnh thường gặp ở Việt Nam.
- *Kỹ năng*: liên hệ được giữa kiến thức và thực tế.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: thể hiện thái độ trung thực, vệ sinh, an toàn, chính xác trong thực hiện các thao tác.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động - Thương Binh và Xã Hội.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Chương trình môn học Ký sinh trùng II xây dựng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng liên thông ngành kỹ thuật xét nghiệm.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên, giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.
- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Ký sinh trùng 2 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Bộ Y tế (2016), *Ký sinh trùng*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2016), *Ký sinh trùng thực hành (KTXN)*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2016), *Ký sinh trùng trong lâm sàng*, NXB Y học, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 22

Tên môn học: KÝ SINH TRÙNG III

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ thứ IV, sau môn học Ký sinh trùng II.
- Tính chất: Là môn học chuyên môn bắt buộc

II. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức**
 - + Trình bày được hình thái, sinh lý, khả năng gây bệnh, xét nghiệm các loại vi nấm ký sinh trên người.
 - + Trình bày được hình thái, sinh lý, khả năng gây bệnh, xét nghiệm các loài tiết túc.
 - + Trình bày được nguyên tắc, ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm ký sinh trùng gây bệnh ở người.
- **Kỹ năng:** Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản ký sinh trùng y học. Sưu tầm được một số tiết túc y học thường gặp.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện kỹ năng thực hành chính xác, trung thực, tỉ mỉ chính xác khi làm xét nghiệm về ký sinh trùng, đơn bào và vi nấm thường gặp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Vi nấm ký sinh trên cơ thể người	9			

	1. Đại cương về vi nấm ký sinh		1		
	2. Các loại vi nấm ký sinh, chẩn đoán, phòng và điều trị các bệnh do vi nấm gây ra		8		
	Chương 2. Tiết túc				
2	1. Đại cương về tiết túc y học	11	1		
	2. Tiết túc thuộc lớp nhện		2		
	3. Tiết túc thuộc lớp côn trùng		6		1
	5. Phòng chống và diệt tiết túc		1		
	Chương 3: Kỹ thuật xét nghiệm ký sinh				
3	1. Cách lấy bệnh phẩm tìm nấm và kỹ thuật xét nghiệm trực tiếp	30		4	
	2. Kỹ thuật nuôi cấy, nhuộm, soi vi nấm			6	
	3. Quan sát hình thể các loại vi nấm trên tiêu bản mẫu			7	
	4. Quan sát hình thể bọ chết truyền bệnh			4	
	5. Quan sát hình thể ve, mò, chấy, rận, rệp, cái ghẻ			4	
	6. Quan sát hình thể muỗi truyền bệnh thường gặp ở Việt Nam (<i>Culex</i> , <i>Mansonia</i> , <i>Aedes</i> , <i>Anopheles</i>)			4	1
Cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Vi nấm ký sinh trên cơ thể người
giờ

Thời gian: 9

1. Mục tiêu: Trình bày được hình thái, sinh lý, khả năng gây bệnh của vi nấm ký sinh trên người.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về vi nấm ký sinh

- 2.1.1. Đại cương
- 2.1.2. Đặc điểm sinh học
- 2.1.3. Vai trò trong y học
- 2.1.4. Chẩn đoán
- 2.1.5. Điều trị
- 2.1.6. Phòng chống

2.2. Các loại vi nấm ký sinh, chẩn đoán, phòng và điều trị các bệnh do vi nấm gây ra

- 2.2.1. Vi ngoại biên
- 2.2.2. Vi nấm nội tạng
- 2.2.3. Vi nấm ngoài da

Chương 2. Tiết túc

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được hình thái, sinh lý, khả năng gây bệnh của các loại tiết túc.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về tiết túc y học

- 2.1.1. Đặc điểm sinh lý, sinh thái của tiết túc
- 2.1.2. Sự liên quan giữa đặc điểm sinh thái đến dịch tễ học những bệnh do tiết túc truyền hoặc gây nên
- 2.1.3. Phân loại
- 2.1.4. Vai trò gây bệnh và truyền bệnh của tiết túc trong y học
- 2.1.5. Phương thức truyền bệnh của tiết túc

2.2. Tiết túc thuộc lớp nhện

- 2.2.1. Ve
- 2.2.2. Mạt
- 2.2.3. Nhện
- 2.2.4. Cái Ghẻ
- 2.2.5. Bọ cạp

2.3. Tiết túc thuộc lớp côn trùng

- 2.3.1. Ruồi
- 2.3.2. Muỗi
- 2.3.3. Bọ chét
- 2.3.4. Chí
- 2.3.5. Rận
- 2.3.6. Rệp
- 2.3.7. Bọ xít

2.4. Phòng chống và diệt tiết túc

- 2.4.1. Nguyên tắc phòng chống tiết túc y học
- 2.4.2. Các biện pháp diệt tiết túc y học

Chương 3: Kỹ thuật xét nghiệm ký sinh

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được nguyên tắc cách lấy bệnh phẩm tìm vi nấm ký sinh gây bệnh ở người. Quan sát hình thể của tiết túc gây bệnh.

2. Nội dung

2.1. Cách lấy bệnh phẩm tìm vi nấm và kỹ thuật xét nghiệm trực tiếp

2.1.1. Cách lấy bệnh phẩm tìm vi nấm

2.1.2. Phương pháp xét nghiệm trực tiếp

2.2. Kỹ thuật nuôi cấy, nhuộm, soi vi nấm

2.2.1. Dụng cụ - hóa chất

2.2.2. Quy trình kỹ thuật

2.2.3. Nhiệt độ thời gian ủ ấm

2.2.4. Cách quan sát một canh cấy vi nấm

2.3. Quan sát hình thể các loại vi nấm trên tiêu bản mẫu

2.3.1. Chuẩn dụng cụ, thiết bị và tiêu bản

2.3.2. Quan sát hình thể và đo kích thước tế bào vi nấm

2.4. Quan sát hình thể bọ chét truyền bệnh

2.4.1. Chuẩn dụng cụ, thiết bị và tiêu bản

2.4.2. Quan sát hình thể bọ chét

2.5. Quan sát hình thể ve, mạt, chấy, rận, rệp, cái ghẻ

2.5.1. Chuẩn dụng cụ, thiết bị và tiêu bản

2.5.2. Quan sát hình thể ve

2.5.3. Quan sát hình thể mạt

2.5.4. Quan sát hình thể chấy

2.5.5. Quan sát hình thể rận

2.5.6. Quan sát hình thể rệp

2.5.7. Quan sát hình thể cái ghẻ

2.6. Quan sát hình thể muỗi truyền bệnh thường gặp ở Việt Nam (*Culex*, *Mansonia*, *Aedes*, *Anopheles*)

2.6.1. Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị và tiêu bản

2.6.2. Quan sát hình thể muỗi truyền bệnh thường gặp ở Việt Nam

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường, học thực hành tại phòng thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng.

2. Trang thiết bị, máy móc: bảng, phấn, máy chiếu, ...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, video, dụng cụ, hóa chất, tiêu bản mẫu.

4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Kiến thức:** mô tả và nhận dạng được các loại nấm và tiết túc gây bệnh ở người.
- **Kỹ năng:** liên hệ được giữa kiến thức và thực tế.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** thể hiện thái độ trung thực, vệ sinh, an toàn, chính xác trong thực hiện các thao tác.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động - Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Chương trình môn học Ký sinh trùng III xây dựng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng liên thông ngành kỹ thuật xét nghiệm.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên, giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.
- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Ký sinh trùng 3 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Bộ Y tế (2009), *Ký sinh trùng*, NXB Giáo dục, Hà Nội .
- Bộ Y tế (2009), *Ký sinh trùng thực hành*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 23

Tên môn học: VI SINH I

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ II.
- Tính chất: Là môn học chuyên môn bắt buộc, cung cấp kiến thức về vi sinh vật trong cơ thể người.

II. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức**
 - + Trình bày được hình thái, sinh lý, khả năng gây bệnh, xét nghiệm chẩn đoán các cầu khuẩn gây bệnh thường gặp.
 - + Trình bày được hình thái, sinh lý, khả năng gây bệnh, xét nghiệm chẩn đoán trực khuẩn thường gặp.
 - + Trình bày được hình thái, sinh lý, khả năng gây bệnh, xét nghiệm chẩn đoán các xoắn khuẩn thường gặp.
- **Về kỹ năng:**
 - + Thực hiện được các phương pháp lấy, bảo quản, vận chuyển mẫu xét nghiệm vi sinh, các phương pháp nuôi cấy và các tính chất sinh vật hóa học của vi khuẩn.
 - + Pha chế các loại thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường và tiến hành các kỹ thuật cơ bản trong xét nghiệm vi sinh.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong khi thực hiện các xét nghiệm vi sinh vật.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH/TT	Kiểm tra
1	Chương 1: Cầu khuẩn				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH/TT	Kiểm tra
	1. Tụ cầu khuẩn	6	2		
	2. Liên cầu khuẩn		1		1
	3. Phế cầu khuẩn		1		
	4. Lậu cầu		1		
	5. Não mô cầu		1		
2	Chương 2: Trực khuẩn				
	1. Trực khuẩn đường ruột: <i>E.coli</i> , <i>Shigella</i> , <i>Samonella</i> , <i>Proteus</i> , <i>Klebsiela</i>	10	3		1
	2. Phẩy khuẩn tả		1		
	3. Trực khuẩn mũ xanh		1		
	4. Trực khuẩn <i>Hemophilus influenza</i>		1		
	5. Trực khuẩn uốn ván		1		
	6. Trực khuẩn bạch hầu		1		
	7. Trực khuẩn lao		1		
3	Chương 3: Xoắn khuẩn				
	1. Xoắn khuẩn giang mai	4	1		
	2. Xoắn khuẩn <i>Leptospira</i>		1		
	3. <i>Helicobacter pylori</i>		2		
4	Chương 4: Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh				
	1. Pha chế thuốc nhuộm và môi trường nuôi cấy vi khuẩn	30		4	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH/TT	Kiểm tra
	2. Kỹ thuật nhuộm Gram			3	1
	3. Kỹ thuật nhuộm Ziehl – Neelsen			4	
	4. Kỹ thuật nuôi cấy vi khuẩn			4	
	5. Kỹ thuật định danh vi khuẩn gây bệnh			4	
	6. Kỹ thuật kháng sinh đồ			6	
	7. Kỹ thuật soi tươi huyết trắng			4	
Cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Cầu khuẩn

Thời gian: 6 giờ

2. Mục tiêu: Trình bày được hình thái, sinh lý, khả năng gây bệnh, xét nghiệm các cầu khuẩn gây bệnh thường gặp.

3. Nội dung

3.1. Tụ cầu khuẩn

- 3.1.1. Đặc điểm sinh vật học
- 3.1.2. Khả năng gây bệnh
- 3.1.3. Chẩn đoán vi khuẩn
- 3.1.4. Phòng ngừa và điều trị

3.2. Liên cầu khuẩn, phản ứng ALSO

- 3.2.1. Đặc điểm sinh vật học
- 3.2.2. Phân loại liên cầu
- 3.2.3. Khả năng gây bệnh
- 3.2.4. Tính miễn dịch
- 3.2.5. Chẩn đoán vi khuẩn
- 3.2.6. Phòng ngừa và điều trị

3.3. Phế cầu khuẩn

- 3.3.1. Đặc điểm sinh vật học
- 3.3.2. Khả năng gây bệnh
- 3.3.3. Chẩn đoán vi khuẩn
- 3.3.4. Phòng ngừa và điều trị

3.4. Lậu cầu

- 3.4.1. Đặc điểm sinh vật học
- 3.4.2. Khả năng gây bệnh
- 3.4.3. Chẩn đoán vi khuẩn
- 3.4.4. Phòng ngừa và điều trị

2.5. Não mô cầu

- 2.5.1. Đặc điểm sinh vật học
- 2.5.2. Khả năng gây bệnh
- 2.5.3. Chẩn đoán vi khuẩn
- 2.5.4. Phòng ngừa và điều trị

Chương 2: Trực khuẩn

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được hình thái, sinh lý, khả năng gây bệnh, xét nghiệm trực khuẩn thường gặp.

2. Nội dung

2.1. Trực khuẩn đường ruột: E.coli, Shigella, Samonella, Proteus, Klebsiela

- 2.1.1. Đặc điểm sinh vật học
- 2.1.2. Khả năng gây bệnh
- 2.1.3. Chẩn đoán vi sinh vật
- 2.1.4. Phòng bệnh và điều trị

2.2. Phẩy khuẩn tả

- 2.2.1. Đặc điểm sinh vật học
- 2.2.2. Khả năng gây bệnh ở người
- 2.2.3. Chẩn đoán vi sinh vật
- 2.2.4. Phòng bệnh và điều trị

2.3. Trực khuẩn mủ xanh

- 2.3.1. Đặc điểm sinh vật học
- 2.3.2. Khả năng gây bệnh
- 2.3.3. Chẩn đoán
- 2.3.4. Phòng ngừa và điều trị

2.4. Trực khuẩn Heamophilus influenza

- 2.4.1. Đặc điểm sinh vật học
- 2.4.2. Khả năng gây bệnh
- 2.4.3. Sinh lý bệnh học
- 2.4.4. Chẩn đoán
- 2.4.5. Phòng ngừa và điều trị

2.5. Trực khuẩn uốn ván

- 2.5.1. Các tính chất vi khuẩn học
- 2.5.2. Khả năng gây bệnh
- 2.5.3. Chẩn đoán phòng thí nghiệm

2.5.4. Phòng bệnh và điều trị

2.6. Trực khuẩn bạch hầu

2.6.1. Đặc điểm sinh vật học

2.6.2. Khả năng gây bệnh cho người

2.6.3. Chẩn đoán vi sinh vật

2.6.4. Phòng bệnh và điều trị

2.7. Trực khuẩn lao

2.7.1. Đặc điểm sinh vật học

2.7.2. Khả năng gây bệnh cho người

2.7.3. Chẩn đoán vi sinh vật

2.7.4. Phòng bệnh và điều trị

Chương 3: Xoắn khuẩn

Thời gian: 4 giờ

1. **Mục tiêu:** Trình bày được hình thái, sinh lý, khả năng gây bệnh, xét nghiệm các xoắn khuẩn thường gặp.

2. Nội dung

2.1. Xoắn khuẩn giang mai

2.1.1. Đặc điểm sinh vật học

2.1.2. Khả năng gây bệnh cho người

2.1.3. Chẩn đoán vi sinh vật

2.1.4. Phòng bệnh và chữa bệnh

2.2. Xoắn khuẩn Leptospira

2.2.1. Đặc điểm sinh vật học

2.2.2. Khả năng gây bệnh

2.2.3. Chẩn đoán phòng thí nghiệm

2.2.4. Phòng bệnh và điều trị

2.3. Helicobacter pylori

2.3.1. Đặc điểm sinh vật học

2.3.2. Khả năng gây bệnh

2.3.3. Chẩn đoán phòng thí nghiệm

2.3.4. Phòng bệnh và điều trị

Chương 4. Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh

Thời gian: 30 giờ

1. **Mục tiêu:** Chuẩn bị đúng, đủ dụng cụ hóa chất cần thiết cho từng xét nghiệm vi sinh và thực hiện chính xác các xét nghiệm vi sinh thông thường.

2. Nội dung

2.1. Pha chế thuốc nhuộm và môi trường nuôi cấy vi khuẩn

2.1.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.2. Hóa chất dụng cụ

- 2.1.3. Tiến hành
- 2.2. Kỹ thuật nhuộm Gram**
 - 2.2.1. Cơ sở lý thuyết
 - 2.2.2. Hóa chất dụng cụ
 - 2.2.3. Tiến hành
 - 2.2.4. Đọc kết quả
- 2.3. Kỹ thuật nhuộm Ziehl – Neelsen**
 - 2.3.1. Cơ sở lý thuyết
 - 2.3.2. Hóa chất dụng cụ
 - 2.3.3. Tiến hành
 - 2.3.4. Đọc kết quả
- 2.4. Kỹ thuật nuôi cấy vi khuẩn**
 - 2.4.1. Cơ sở lý thuyết
 - 2.4.2. Hóa chất dụng cụ
 - 2.4.3. Tiến hành
 - 2.4.4. Đọc kết quả
- 2.5. Kỹ thuật định danh vi khuẩn**
 - 2.5.1. Cơ sở lý thuyết
 - 2.5.2. Hóa chất dụng cụ
 - 2.5.3. Tiến hành
 - 2.5.4. Đọc kết quả
- 2.6. Kỹ thuật kháng sinh đồ**
 - 2.6.1. Cơ sở lý thuyết
 - 2.6.2. Hóa chất dụng cụ
 - 2.6.3. Tiến hành
 - 2.6.4. Đọc kết quả
- 2.7. Kỹ thuật soi tươi huyết trắng**
 - 2.7.1. Cơ sở lý thuyết
 - 2.7.2. Hóa chất dụng cụ
 - 2.7.3. Tiến hành
 - 2.7.4. Đọc kết quả

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường, học thực hành tại phòng thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng.
2. Trang thiết bị, máy móc: bảng, phấn, máy chiếu, ...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, video, bài giảng, dụng cụ, hóa chất...

4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Về kiến thức*: cơ bản về vi khuẩn y học; tính chất vi sinh học, tính chất nuôi cấy, khả năng gây bệnh của vi khuẩn; nêu được những ứng dụng của nghiên cứu về vi sinh trong chẩn đoán và phòng các bệnh nhiễm trùng.
- *Về kỹ năng*: thực hiện được quy trình định danh cầu khuẩn, trực khuẩn và liên hệ được giữa kiến thức và thực tế.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: thể hiện thái độ trung thực, vệ sinh, an toàn, chính xác trong thực hiện các thao tác.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần (lý thuyết + thực hành): trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Chương trình môn học Vi sinh 1 xây dựng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên, giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.
- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Vi sinh 1 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

- Bộ môn Vi sinh – ĐH Y Hà Nội (2007), *Thực tập vi sinh y học*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ môn Vi sinh – ĐH Y Dược TPHCM (2015), *Vi khuẩn y học*, Nhà xuất bản Y học, Tp. Hồ Chí Minh.
- Bộ Y tế (2010), *Vi sinh y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Hà Nội
- Bộ Y tế (2007), *Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh lâm sàng*, NXB Y học, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 24

Tên môn học: VI SINH II

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ III, sau môn học Vi sinh I
- Tính chất: Là môn học chuyên môn bắt buộc, cung cấp kiến thức về vi sinh vật trong cơ thể người.

II. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức**
 - + Trình bày được đặc điểm chung, hình thái, cấu trúc của virus gây bệnh.
 - + Trình bày đặc điểm, tính chất, khả năng gây bệnh và chẩn đoán các virus gây bệnh ở người..
- **Kỹ năng:** Thực hiện được các kỹ thuật chẩn đoán cầu khuẩn, trực khuẩn và xoắn khuẩn gây bệnh.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong khi thực hiện các xét nghiệm vi sinh vật.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TT	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về virus				
	1. Đại cương virus	5	2		
	2. Phage		1		
	3. Các phương pháp chẩn đoán virus		2		
2	Chương 2: Virus gây bệnh				
	1. Virus cúm	15	2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TT	Kiểm tra
	2. Virus quai bị		1		
	3. Virus sởi		1		
	4. Virus bại liệt		1		
	5. Virus viêm não Nhật Bản		1		
	6. Virus Dengue		1		
	7. Virus dại		1		
	8. Virus thủy đậu		1		
	9. Các virus viêm gan (A, B, C, D, E)		3		1
	10. Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người: HIV		2		
	Chương 4. Kỹ thuật chẩn đoán vi khuẩn thường gặp				
3	1. Tiếp nhận bệnh phẩm vi sinh lâm sàng	30		2	
	2. Kỹ thuật nuôi cấy bệnh phẩm: mủ, dịch, nước tiểu, phân...			4	
	3. Kỹ thuật định danh cầu khuẩn			7	1
	4. Kỹ thuật định danh trực khuẩn			8	
	5. Kỹ thuật định danh xoắn khuẩn			2	
	6. Kỹ thuật kháng sinh đồ bằng phương pháp pha loãng liên tiếp			4	
	7. Kỹ thuật cấy máu			2	
Cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về virus

Thời gian: 10 giờ

1. **Mục tiêu:** Trình bày được hình thái, sinh lý, cấu trúc của virus.

2. Nội dung

2.1. Đại cương virus

2.1.1. Đặc điểm chung

2.1.2. Hình thái, cấu trúc của virus

2.1.3. Quá trình nhân lên của virus

2.1.4. Hậu quả của sự tương tác giữa virus và tế bào

2.2. Phage

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Đặc điểm sinh học của Phage

2.2.3. Phân loại Phage

2.2.4. Ứng dụng của Phage

2.3. Các phương pháp chẩn đoán virus

2.3.1. Chẩn đoán trực tiếp

2.3.2. Chẩn đoán gián tiếp

Chương 2: Virus gây bệnh

Thời gian: 30 giờ

1. **Mục tiêu:** Trình bày được hình thái, sinh lý, khả năng gây bệnh, xét nghiệm các virus gây bệnh thường gặp.

2. Nội dung

2.1. Virus cúm

2.1.1. Đặc điểm sinh vật học

2.1.2. Khả năng gây bệnh cho người

2.1.3. Dịch tễ

2.1.4. Chẩn đoán vi sinh vật

2.1.5. Phòng bệnh và điều trị

2.2. Virus quai bị

2.2.1. Đặc điểm sinh vật học

2.2.2. Khả năng gây bệnh cho người

2.2.3. Dịch tễ

2.2.4. Chẩn đoán vi sinh vật

2.2.5. Phòng bệnh và điều trị

2.3. Virus sởi

2.3.1. Đặc điểm sinh vật học

2.3.2. Khả năng gây bệnh cho người

2.3.3. Dịch tễ

2.3.4. Chẩn đoán vi sinh vật

2.3.5. Phòng bệnh và điều trị

2.4. Virus bại liệt

- 2.4.1. Đặc điểm sinh vật học
- 2.4.2. Khả năng gây bệnh cho người
- 2.4.3. Dịch tễ
- 2.4.4. Chẩn đoán vi sinh vật
- 2.4.5. Phòng bệnh và điều trị

2.5. Virus viêm não Nhật Bản

- 2.5.1. Đặc điểm sinh vật học
- 2.5.2. Khả năng gây bệnh cho người
- 2.5.3. Dịch tễ
- 2.5.4. Chẩn đoán vi sinh vật
- 2.5.5. Phòng bệnh và điều trị

2.6. Virus Dengue

- 2.6.1. Đặc điểm sinh vật học
- 2.6.2. Khả năng gây bệnh cho người
- 2.6.3. Dịch tễ
- 2.6.4. Chẩn đoán vi sinh vật
- 2.6.5. Phòng bệnh và chữa bệnh

2.7. Virus dại

- 2.7.1. Đặc điểm sinh vật học
- 2.7.2. Khả năng gây bệnh cho người
- 2.7.3. Dịch tễ
- 2.7.4. Chẩn đoán vi sinh vật
- 2.7.5. Phòng bệnh và điều trị

2.8. Virus thủy đậu

- 2.8.1. Đặc điểm sinh vật học
- 2.8.2. Khả năng gây bệnh cho người
- 2.8.3. Dịch tễ
- 2.8.4. Chẩn đoán vi sinh vật
- 2.8.5. Phòng bệnh và điều trị

2.9. Các virus viêm gan (A, B, C, D, E)

- 2.9.1. Đặc điểm sinh vật học
- 2.9.2. Khả năng gây bệnh cho người
- 2.9.3. Dịch tễ
- 2.9.4. Chẩn đoán vi sinh vật
- 2.9.5. Phòng bệnh và điều trị

2.10. Virus gây suy giảm miễn dịch ở người

- 2.10.1. Đặc điểm sinh vật học
- 2.10.2. Khả năng gây bệnh cho người
- 2.10.3. Dịch tễ

2.10.4. Chẩn đoán vi sinh vật

2.10.5. Phòng bệnh và điều trị

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường, học thực hành tại phòng thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng.
2. Trang thiết bị, máy móc: bảng, phấn, máy chiếu, ...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, video, bài giảng, dụng cụ, hóa chất...
4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức: cơ bản về virus y học; tính chất vi sinh học, tính chất nuôi cấy, khả năng gây bệnh của virus; nêu được những ứng dụng của nghiên cứu về vi sinh trong chẩn đoán và phòng các bệnh nhiễm trùng.
- Về kỹ năng: thực hiện được quy trình định danh cầu khuẩn, trực khuẩn và liên hệ được giữa kiến thức và thực tế.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: thể hiện thái độ nghiêm túc, chủ động, trung thực trong học tập.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Chương trình môn học Vi sinh II xây dựng để giảng dạy cho sinh viên liên thông ngành cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên, giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.
- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Vi sinh 2 của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Bộ môn Vi sinh – ĐH Y Hà Nội (2007), *Thực tập vi sinh y học*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ môn Vi sinh – ĐH Y Dược TPHCM (2015), *Vi khuẩn y học*, Nhà xuất bản Y học, Tp. Hồ Chí Minh.
- Bộ Y tế (2010), *Vi sinh y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2007), *Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 25

Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Thực tập: 89 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ thứ IV; sau môn thực tập nghề nghiệp.
- Tính chất: Là môn thực tập chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học

- **Về kiến thức**
 - + Chuẩn bị đúng dụng cụ, hóa chất làm xét nghiệm. Lấy được bệnh phẩm xét nghiệm.
 - + Nhận xét được kết quả xét nghiệm là đúng hay sai, biện luận nguyên nhân gây sai kết quả. Ghi kết quả xét nghiệm vào sổ và trả kết quả đúng thời gian quy định
- **Về kỹ năng**
 - + Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm thành thạo, chính xác.
 - + Vận hành, sử dụng, bảo quản được các máy móc trang thiết bị xét nghiệm.
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện kỹ năng tay nghề, kỹ năng giao tiếp giáo dục sức khoẻ cho bệnh nhân.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	KT
1	Chương 1: Hóa sinh	23		23	
	1. Kỹ thuật lấy mẫu làm xét nghiệm hóa sinh				
	2. Tổng phân tích nước tiểu bằng que nhúng 10 thông số				
	3. Đo điện giải bằng máy tự động				
	4. Định lượng bằng máy sinh hoá tự động				

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	KT
	5. Kỹ thuật sử dụng máy miễn dịch tự động				
	6. Kỹ thuật xét nghiệm tế bào tinh thể trong nước tiểu				
	7. Nội kiểm tra máy sinh hoá tự động				
	8. Nội kiểm tra máy điện giải				
	9. Nội kiểm tra máy nước tiểu tự động				
	Chương 2. Huyết học				
	1. Kỹ thuật lấy máu làm xét nghiệm huyết học				
	2. Kỹ thuật làm huyết đồ bằng máy tự động				
	3. Định nhóm máu hệ ABO, Rh				
	4. Kỹ thuật đo PT, APTT bằng máy đông máu bán tự động (tự động)				
2	5. Kỹ thuật kéo lam máu dàn, nhuộm tiêu bản, phân loại bạch cầu	23		22	1
	6. Đếm số lượng hồng cầu lưới				
	7. Đo tốc độ lắng máu				
	8. Phản ứng chéo trước truyền máu				
	9. Kỹ thuật điều chế hồng cầu mẫu				
	10. Đo thời gian máu chảy, máu đông				
	11. Nội kiểm tra huyết học tự động				
	12. Nội kiểm tra máy đông máu tự động				
	Chương 3. Ký sinh trùng				
3	1. Tiếp nhận, bảo quản bệnh phẩm kí sinh trùng	22		22	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	KT
	2. Xét nghiệm phân tìm trứng giun, sán				
	3. Làm tiêu bản giọt dày và máu dàn để tìm kí sinh trùng sốt rét. Quan sát kí sinh trùng sốt rét.				
	4. Định danh kí sinh trùng bằng phương pháp ELISA				
	5. Soi tươi tìm nấm				
4	Chương 4. Vi sinh	22		22	
	1. Tiếp nhận, bảo quản bệnh phẩm làm xét nghiệm vi sinh				
	2. Kỹ thuật nhuộm Gram và quan sát vi khuẩn				
	3. Kỹ thuật nhuộm Ziehl – Neelsen				
	4. Nuôi cấy và định danh vi khuẩn.				
	5. Kỹ thuật làm kháng sinh đồ				
	6. Điều chế môi trường dùng trong vi sinh				
	7. Kỹ thuật cấy máu				
8. Test nhanh tìm kháng nguyên, kháng thể virus					
	Tổng cộng	90		89	1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Hóa sinh

Thời gian: 23 giờ

1. Mục tiêu: Chuẩn bị đúng dụng cụ, hóa chất làm xét nghiệm hoá sinh. Lấy được bệnh phẩm xét nghiệm hoá sinh. Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm hoá sinh thành thạo, chính xác. Vận hành, sử dụng, bảo quản được các máy móc trang thiết bị xét nghiệm.

2. Nội dung

2.1. Kỹ thuật lấy mẫu làm xét nghiệm hóa sinh

2.1.1. Chuẩn bị bệnh nhân

2.1.2. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất

- 2.1.3. Tiến hành lấy mẫu
- 2.1.4. Phân phối máu vào ống chống đông phù hợp
- 2.1.5. Vận chuyển, xử lý mẫu
- 2.2. Tổng phân tích nước tiểu bằng que nhúng 10 thông số
 - 2.2.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.2.2. Tiến hành phân tích mẫu
 - 2.2.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.2.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.3. Đo điện giải bằng máy tự động
 - 2.3.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.3.2. Tiến hành phân tích mẫu
 - 2.3.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.3.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.4. Định lượng bằng máy sinh hoá tự động.
 - 2.4.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.4.2. Tiến hành phân tích mẫu
 - 2.4.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.4.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.5. Kỹ thuật sử dụng máy miễn dịch tự động
 - 2.5.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.5.2. Tiến hành phân tích mẫu
 - 2.5.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.5.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.6. Kỹ thuật xét nghiệm tế bào tinh thể trong nước tiểu
 - 2.6.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.6.2. Tiến hành phân tích mẫu
 - 2.6.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.6.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục

- 2.7. Nội kiểm tra máy sinh hoá tự động
 - 2.7.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất
 - 2.7.2. Tiến hành nội kiểm
 - 2.7.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.7.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.8. Nội kiểm tra máy điện giải
 - 2.8.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất
 - 2.8.2. Tiến hành nội kiểm
 - 2.8.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.8.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.9. Nội kiểm tra máy nước tiểu tự động
 - 2.9.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất
 - 2.9.2. Tiến hành nội kiểm
 - 2.9.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.9.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục

Chương 2. Huyết học

Thời gian: 23 giờ

1. Mục tiêu: Chuẩn bị đúng dụng cụ, hóa chất làm xét nghiệm huyết học. Lấy được bệnh phẩm xét nghiệm huyết học. Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm huyết học thành thạo, chính xác. Vận hành, sử dụng, bảo quản được các máy móc trang thiết bị xét nghiệm.

2. Nội dung

- 2.1. Kỹ thuật lấy máu làm xét nghiệm huyết học
 - 2.1.1. Chuẩn bị bệnh nhân
 - 2.1.2. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất
 - 2.1.3. Tiến hành lấy mẫu
 - 2.1.4. Phân phối máu vào ống chống đông phù hợp
 - 2.1.5. Vận chuyển, xử lý mẫu
- 2.2. Kỹ thuật làm huyết đồ bằng máy tự động
 - 2.2.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử

- 2.2.2. Tiến hành phân tích mẫu
- 2.2.3. Đọc và nhận xét kết quả
- 2.2.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.3. Định nhóm máu hệ ABO, Rh
 - 2.3.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.3.2. Tiến hành kỹ thuật
 - 2.3.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.3.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.4. Kỹ thuật đo PT, APTT bằng máy đông máu bán tự động (tự động)
 - 2.4.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.4.2. Tiến hành phân tích mẫu
 - 2.4.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.4.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.5. Kỹ thuật kéo lam máu dàn, nhuộm tiêu bản, phân loại bạch cầu
 - 2.5.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.5.2. Tiến hành kỹ thuật
 - 2.5.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.5.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.6. Đếm số lượng hồng cầu lưới
 - 2.6.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.6.2. Tiến hành kỹ thuật
 - 2.6.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.6.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.7. Đo tốc độ lắng máu
 - 2.7.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.7.2. Tiến hành kỹ thuật
 - 2.7.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.7.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục

- 2.8. Phản ứng chéo trước truyền máu
 - 2.8.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.8.2. Tiến hành kỹ thuật
 - 2.8.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.8.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.9. Kỹ thuật điều chế hồng cầu mẫu
 - 2.9.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.9.2. Tiến hành kỹ thuật
 - 2.9.3. Điều kiện bảo quản hồng cầu mẫu
 - 2.9.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.10. Đo thời gian máu chảy, máu đông
 - 2.10.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.10.2. Tiến hành kỹ thuật
 - 2.10.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.10.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.11. Nội kiểm tra huyết học tự động
 - 2.11.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất
 - 2.11.2. Tiến hành nội kiểm
 - 2.11.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.11.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.12. Nội kiểm tra máy đông máu tự động
 - 2.12.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất
 - 2.12.2. Tiến hành nội kiểm
 - 2.12.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.12.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục

Chương 3. Ký sinh trùng

Thời gian: 22 giờ

1. **Mục tiêu:** Chuẩn bị đúng dụng cụ, hóa chất làm xét nghiệm ký sinh trùng. Lấy được bệnh phẩm xét nghiệm ký sinh trùng. Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm ký sinh trùng thành thạo, chính xác. Vận hành, sử dụng, bảo quản được các máy móc trang

thiết bị xét nghiệm.

2. Nội dung

2.1. Tiếp nhận, bảo quản bệnh phẩm kí sinh trùng

2.1.1. Chuẩn bị bệnh nhân

2.1.2. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất

2.1.3. Lấy (hướng dẫn) mẫu

2.1.4. Vận chuyển, bảo quản, xử lý mẫu

2.2. Xét nghiệm phân tìm trứng giun, sán

2.2.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử

2.2.2. Tiến hành kỹ thuật

2.2.3. Đọc và nhận xét kết quả

2.2.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục

2.3. Làm tiêu bản giọt dày và máu dàn để tìm kí sinh trùng sốt rét. Quan sát kí sinh trùng sốt rét.

2.3.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử

2.3.2. Tiến hành kỹ thuật

2.3.3. Đọc và nhận xét kết quả

2.3.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục

2.4. Định danh kí sinh trùng bằng phương pháp ELISA

2.4.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử

2.4.2. Tiến hành kỹ thuật

2.4.3. Đọc và nhận xét kết quả

2.4.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục

2.5. Soi tươi tìm nấm

2.5.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử

2.5.2. Tiến hành kỹ thuật

2.5.3. Đọc và nhận xét kết quả

2.5.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục

Chương 4. Vi sinh

Thời gian: 22 giờ

1. Mục tiêu: Chuẩn bị đúng dụng cụ, hoá chất làm xét nghiệm vi sinh. Lấy được bệnh phẩm xét nghiệm vi sinh. Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh thành thạo, chính xác. Vận hành, sử dụng, bảo quản được các máy móc trang thiết bị xét nghiệm.

2. Nội dung

2.1. Tiếp nhận, bảo quản bệnh phẩm làm xét nghiệm vi sinh

2.1.1. Chuẩn bị bệnh nhân

2.1.2. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất

2.1.3. Lấy (hướng dẫn) mẫu

2.1.4. Vận chuyển, bảo quản, xử lý mẫu

2.2. Kỹ thuật nhuộm Gram và quan sát vi khuẩn

2.2.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử

2.2.2. Tiến hành kỹ thuật

2.2.3. Đọc và nhận xét kết quả

2.2.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục

2.3. Kỹ thuật nhuộm Ziehl – Neelsen

2.3.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử

2.3.2. Tiến hành kỹ thuật

2.3.3. Đọc và nhận xét kết quả

2.3.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục

2.4. Nuôi cấy và định danh vi khuẩn.

2.4.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử

2.4.2. Tiến hành kỹ thuật

2.4.3. Đọc và nhận xét kết quả

2.4.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục

2.5. Kỹ thuật làm kháng sinh đồ

2.5.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử

2.5.2. Tiến hành kỹ thuật

2.5.3. Đọc và nhận xét kết quả

2.5.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục

- 2.6. Điều chế môi trường dùng trong vi sinh
 - 2.6.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất
 - 2.6.2. Điều chế môi trường
 - 2.6.3. Điều kiện bảo quản môi trường
 - 2.6.4. Xử lý môi trường sau nuôi cấy
- 2.7. Kỹ thuật cấy máu
 - 2.7.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.7.2. Tiến hành kỹ thuật
 - 2.7.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.7.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục
- 2.8. Test nhanh tìm kháng nguyên, kháng thể virus
 - 2.8.1. Chuẩn bị dụng cụ, hoá chất, mẫu thử
 - 2.8.2. Tiến hành kỹ thuật
 - 2.8.3. Đọc và nhận xét kết quả
 - 2.8.4. Nguyên nhân sai lệch, cách khắc phục

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: khoa xét nghiệm tại các bệnh viện
2. Trang thiết bị, máy móc: máy xét nghiệm tự động, tủ ủ, tủ an toàn sinh học...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: dụng cụ, hóa chất, thiết bị...
4. Các điều kiện khác

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức*: Hiểu được chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của Khoa (phòng) xét nghiệm huyết học, hoá sinh, vi sinh, ký sinh trùng của bệnh viện, giúp học sinh pha chế hoá chất, thuốc thử, môi trường thông thường để xét nghiệm huyết học, hoá sinh, vi sinh, ký sinh trùng; giúp học sinh chuẩn bị đúng, đủ dụng cụ, hoá chất cũng như cách thức lấy và bảo quản bệnh phẩm xét nghiệm huyết học, hoá sinh, vi sinh vật, ký sinh vật.
- *Kỹ năng*: đối chiếu được giữa lý thuyết và thực tế, thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm thường quy, thực hiện được các kỹ năng cần có của người kỹ thuật viên xét nghiệm

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: thể hiện thái độ trung thực, vệ sinh, an toàn, chính xác trong thực hiện các thao tác.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức: Chấm bài báo cáo thực tập.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Chương trình môn học Thực tế ngành xây dựng để giảng dạy cho sinh viên liên thông ngành cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên, giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Tăng cường thảo luận, giám sát sinh viên thực hiện, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.
- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế (2007), *Hóa sinh*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2009), *Thực tập hóa sinh*, NXB Y học, Hà Nội.
- Hà Thị Anh (2009), *Kỹ thuật xét nghiệm huyết học - truyền máu*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2010), *Giáo trình ký sinh trùng thực hành*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2010), *Ký sinh trùng y học*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2010), *Vi sinh y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2007), *Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 26

Tên môn học: BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành: 90 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ IV.
- Tính chất môn học: Môn học chuyên môn ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Hệ thống lại kiến thức chuyên môn trước khi tốt nghiệp.
- Đáp ứng được yêu cầu trong công việc của một kỹ thuật viên xét nghiệm trình độ cao đẳng.
- Đào tạo người kỹ thuật viên xét nghiệm có kiến thức, kỹ năng, thái độ đáp ứng nhu cầu xã hội.

III. Nội dung môn học:

Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm,	Kiểm tra
1	Lĩnh vực Hóa sinh	23		23	
2	Lĩnh vực Huyết học	23		23	
3	Lĩnh vực Vi sinh	22		22	
4	Lĩnh vực Kí sinh trùng	22		22	
TỔNG CỘNG		90		90	

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

Sinh viên làm báo cáo tốt nghiệp theo kế hoạch hướng dẫn của Khoa Dược.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

- Điểm môn học: 01 cột điểm báo cáo tốt nghiệp.
- Hình thức đánh giá: Chấm điểm bài báo cáo kết hợp vấn đáp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 27

Tên môn học: HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU - ỨNG DỤNG TRONG LÂM SÀNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 40 giờ (Lý thuyết: 39 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ thứ III; là môn học tự chọn sau môn huyết học II, hóa sinh II, ký sinh trùng II, vi sinh II.
- Tính chất: Là môn học chuyên môn bắt buộc, cung cấp kiến thức về huyết học.

II. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức**
 - + Nắm rõ một số xét nghiệm dùng trong chẩn đoán bệnh lý huyết học và biết được một số tiêu chuẩn để chẩn đoán một vài trường hợp bệnh lý huyết học điển hình
 - + Trình bày nguyên tắc đảm bảo an toàn trong truyền máu, quy định, nguyên tắc trong hiến máu.
- **Kỹ năng**
 - + Liên hệ được giữa lý thuyết và thực tế, có khả năng phân biệt được các bệnh về máu.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong quá trình làm xét nghiệm.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH/TT	Kiểm tra
1	Chương 1. Một số kỹ thuật xét nghiệm dùng trong chẩn đoán bệnh lý huyết học. Thực hành định bệnh đối với một số bệnh lý huyết học điển hình				
	1. Một số xét nghiệm khảo sát bệnh lý huyết học	20	20		

	2. Định bệnh một số bệnh lý huyết học điển hình	8	7		1
2	Chương 2. Miễn dịch truyền máu huyết học				
	1. Các xét nghiệm trước và sau truyền máu	3	3		
	2. Định nhóm máu khó	3	3		
	3. Bất đồng miễn dịch giữa thai và mẹ	2	2		
	4. Truyền máu khối lượng lớn	2	2		
	5. Truyền thay máu – thay huyết tương	2	2		
Tổng cộng		40	39		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Một số xét nghiệm dùng trong chẩn đoán bệnh lý huyết học. Thực hành định bệnh đối với một số bệnh lý huyết học điển hình **Thời gian: 28 giờ**

1. Mục tiêu: Nắm rõ một số xét nghiệm dùng trong chẩn đoán bệnh lý huyết học và biết được một số tiêu chuẩn để chẩn đoán một vài trường hợp bệnh lý huyết học điển hình

2. Nội dung

1.1. Một số xét nghiệm khảo sát bệnh lý huyết học

1.1.1. Huyết đồ

1.1.2. Tủy đồ

1.1.3. Sinh thiết tủy

1.1.4. Nhuộm hóa tế bào

1.1.5. Dấu ấn miễn dịch tế bào

1.2. Định bệnh một số bệnh lý huyết học thường gặp

1.2.1. Bệnh tăng bạch cầu

1.2.2. Bệnh thiếu máu

1.2.3. Bệnh giảm bạch cầu hạt ở người lớn

1.2.4. Bệnh giảm tiểu cầu

1.2.5. Bệnh giảm ba dòng tế bào máu

Chương 2. Miễn dịch truyền máu huyết học
giờ

Thời gian: 12

1. **Mục tiêu:** Nắm được nguyên tắc đảm bảo an toàn trong truyền máu, quy định, nguyên tắc trong hiến máu. Biết được cách xử trí một số tình huống khó khăn trong truyền máu
2. **Nội dung**
 - 2.1. Các xét nghiệm trước và sau truyền máu
 - 2.1.1. Xét nghiệm đối với túi máu
 - 2.1.2. Xét nghiệm đối với bệnh nhân
 - 2.1.3. Đánh giá hiệu quả mang lại do truyền máu
 - 2.1.4. Khảo sát các phản ứng tan máu do truyền máu
 - 2.2. Định nhóm máu khó
 - 2.2.1. Nguyên tắc
 - 2.2.2. Dụng cụ - thuốc thử
 - 2.2.3. Quy trình thực hiện
 - 2.3. Bất đồng miễn dịch giữa thai và mẹ
 - 2.3.1. Bất đồng miễn dịch trong hệ Rhesus
 - 2.3.2. Bất đồng miễn dịch trong các hệ thống nhóm máu khác
 - 2.3.3. Bất đồng miễn dịch trong hệ ABO
 - 2.4. Truyền máu khối lượng lớn
 - 2.4.1. Chọn máu
 - 2.4.2. Nguy cơ có thể gặp trong truyền máu khối lượng lớn
 - 2.4.3. Thực hành truyền máu khối lượng lớn
 - 2.4.4. Truyền máu ở trẻ sơ sinh và trẻ em
 - 2.5. Truyền thay máu – thay huyết tương
 - 2.5.1. Chỉ định truyền thay máu
 - 2.5.2. Tiêu chuẩn để truyền thay máu
 - 2.5.3. Chọn máu để truyền thay máu
 - 2.5.4. Liều lượng truyền thay máu
 - 2.5.5. Cách thức tiến hành truyền thay máu
 - 2.5.6. Tai biến truyền thay máu
 - 2.5.7. Chỉ định và chống chỉ định truyền thay huyết tương
 - 2.5.8. Cách thực hiện truyền thay huyết tương

2.5.9. Biến đổi các chất sinh học của bệnh nhân sau truyền thay huyết tương

2.5.10. Biến chứng truyền thay huyết tương

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa: Học lý thuyết tại hội trường.
2. Trang thiết bị, máy móc: bảng, phấn, máy chiếu, ...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, video, bài giảng, dụng cụ, hóa chất...
4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Về kiến thức*: Trình bày được một số xét nghiệm chẩn đoán và định bệnh một số bệnh huyết học thường gặp. Trình bày được nguyên tắc đảm bảo an toàn trong truyền máu, quy định, nguyên tắc trong hiến máu.

- *Về kỹ năng*: Liên hệ được giữa kiến thức và thực tế

- *Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm*: chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, chuyên cần, tác phong nghiêm túc trong học tập.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

– Chương trình môn học Huyết học và truyền máu ứng dụng trong lâm sàng xây dựng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học

– Đối với giảng viên, giáo viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.

- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Huyết học truyền máu - Ứng dụng trong lâm sàng của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Trần Văn Bé (1998), *Lâm sàng huyết học*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Hà Thị Anh (2009), *Huyết học - truyền máu*, NXB Y học, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 27

Tên môn học: HÓA SINH-MIỄN DỊCH LÂM SÀNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 40 giờ (Lý thuyết: 39 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ III; là môn học tự chọn sau môn huyết học II, hóa sinh II, ký sinh trùng II, vi sinh II.

- Tính chất: Môn học tự chọn

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

- + Trình bày cấu tạo của các hệ cơ quan, vai trò, chuyển hóa các chất qua các cơ quan.
- + Trình bày được sinh hóa các chất tại các cơ quan.
- + Trình bày vai trò của chất điện giải, miễn dịch trong đời sống, chỉ dấu ung thư trong xác định bệnh ung thư.

- Về kỹ năng

- + Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế nghề nghiệp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- + Người học cần có tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác và trung thực trong quá trình học.
- + Thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần và sáng tạo của sinh viên.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH	Kiểm tra
1	Chương 1: Sinh hóa một số bệnh lý tại các cơ quan	12			
	1. Hóa sinh lâm sàng bệnh lý thận		3		
	2. Hóa sinh lâm sàng bệnh lý gan, mật		3		

	3. Hóa sinh lâm sàng bệnh lý mạch vành cấp		3		
	4. Hóa sinh lâm sàng bệnh lý tuyến giáp		3		
2	Chương 2: Cân bằng điện giải, khí máu động mạch, chỉ dấu ung thư, miễn dịch, vận hành máy sinh hóa	28			
	1. Cân bằng nước và điện giải		4		
	2. Chỉ dấu ung thư		7		1
	3. Marker viêm gan B, C		4		
	4. Xét nghiệm chẩn đoán bệnh tự miễn		4		
	5. Khí máu động mạch		4		
	6. Cấu tạo và vận hành máy xét nghiệm sinh hoá tự động		4		
	Tổng cộng	40	39	0	1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Sinh hóa một số bệnh lý tại các cơ quan

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các xét nghiệm liên quan đến các bệnh lý các cơ quan như thận, gan, tim, tuyến nội tiết,....

2. Nội dung chương

2.1. Hóa sinh lâm sàng bệnh lý thận

1.1.1. Các bệnh về thận

1.1.2. Các xét nghiệm liên quan đến các bệnh về thận

2.2. Hóa sinh lâm sàng bệnh lý gan, mật

1.2.1. Các bệnh thường gặp về gan, mật

1.2.2. Các xét nghiệm liên quan đến các bệnh về gan, mật

2.3. Hóa sinh lâm sàng bệnh lý mạch vành cấp

1.3.1. Các bệnh về tim mạch

1.3.2. Các xét nghiệm liên quan đến các bệnh về tim mạch

2.4. Hóa sinh lâm sàng bệnh lý tuyến giáp

1.4.1. Các bệnh về tuyến giáp

1.4.2. Các xét nghiệm liên quan đến các bệnh về tuyến giáp

Chương 2: Cân bằng điện giải, khí máu động mạch, chỉ dấu ung thư, miễn dịch, vận hành máy sinh hóa **Thời gian: 28 giờ**

1. Mục tiêu: Trình bày kiến thức cơ bản về cân bằng điện giải, khí máu động mạch. Hiểu được vai trò của chỉ dấu ung thư trong xác định bệnh ung thư

2. Nội dung chương

- 2.1. Cân bằng nước và điện giải
 - 2.1.1. Vai trò của nước và điện giải
 - 2.1.2. Các xét nghiệm liên quan đến sự rối loạn nước và điện giải
- 2.2. Chỉ dấu ung thư
 - 2.2.1. Chỉ dấu ung thư gan
 - 2.2.2. Chỉ dấu ung thư buồng trứng
 - 2.2.3. Chỉ dấu ung thư tiền liệt tuyến
 - 2.2.4. Chỉ dấu ung thư phổi
 - 2.2.5. Chỉ dấu ung thư đại hệ tiêu hóa
- 2.3. Marker viêm gan B, C
 - 2.3.1. Marker viêm gan B
 - 2.3.2. Marker viêm gan C
- 2.4. Xét nghiệm chẩn đoán bệnh tự miễn
 - 2.4.1. ANA-Test
 - 2.4.2. Định lượng Globulin trong máu
- 2.5. Khí máu động mạch
 - 2.5.1. Ý nghĩa các thông số trong xét nghiệm khí máu động mạch
 - 2.5.2. Sự thay đổi của các thông số trong xét nghiệm khí máu động mạch
- 2.6. Cấu tạo và vận hành máy xét nghiệm sinh hoá tự động
 - 2.6.1. Cấu tạo máy xét nghiệm sinh hoá tự động
 - 2.6.2. Vận hành máy xét nghiệm sinh hoá tự động
 - 2.6.3. Chuẩn máy và Calibration (Hiệu chuẩn) máy

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Học lý thuyết tại hội trường.
- 2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.
- 4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Trình bày được các vấn đề cơ bản về sinh hóa một số bệnh lý tại các cơ quan, cân bằng điện giải, khí máu động mạch, chỉ dấu ung thư, miễn dịch, vận hành máy sinh hóa.
- *Kỹ năng:* liên hệ được giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.
- *Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:* chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập, tham gia đầy đủ thời lượng môn học, chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được biên soạn để giảng dạy cho đối tượng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm liên thông.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữ lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.
- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, chủ động trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chỉ dấu ung thư, các xét nghiệm miễn dịch.

4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Hóa sinh - Miễn dịch lâm sàng của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Bộ y tế (2014), *Một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng*, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ y tế (2014), *Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành sinh hóa*, Quyết định số 320/QĐ-BYT, ngày 23 tháng 1 năm 2014, Hà Nội ..
- Bộ Y Tế (2010), *Hóa sinh (dùng đào tạo Cao đẳng Y học)*, NXB Giáo dục
- Bộ Y Tế (2010), *Hóa sinh*, Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam, Hà Nội.

- Phan Hải Nam – Học viện Quân Y (2009), *Một số xét nghiệm hóa sinh thông thường*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- PGS.TS. Nguyễn Đạt Anh, DS CKII. Nguyễn Thị Hương (2013), *Các xét nghiệm thường quy áp dụng trong thực hành lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

MỤC LỤC

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRI.....	8
Tên môn học: TIẾNG ANH CƠ BẢN.....	17
Tên môn học: TIN HỌC	26
Tên môn học: Pháp luật.....	39
Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT	44
Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH.....	53
Tên môn học: XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC	64
Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN	71
Tên môn học: HÓA HỌC	77
Tên môn học: ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ Y DƯỢC.....	83
Tên môn học: DỊCH TỄ VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM	88
Tên môn học: DƯỢC LÝ.....	97
Tên môn học: BỆNH HỌC	107
Tên môn học: HOÁ SINH I.....	116
Tên môn học: HOÁ SINH II.....	122
Tên môn học: HOÁ SINH III.....	129
Tên môn học: HUYẾT HỌC I.....	135
Tên môn học: HUYẾT HỌC II.....	142
Tên môn học: HUYẾT HỌC III.....	148
Tên môn học: KÝ SINH TRÙNG I.....	154
Tên môn học: KÝ SINH TRÙNG II.....	160
Tên môn học: KÝ SINH TRÙNG III.....	166
Tên môn học: VI SINH I.....	171
Tên môn học: VI SINH II	179
Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	185
Tên môn học: BÁO CÁO TỐT NGHIỆP	196
Tên môn học: HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU - ỨNG DỤNG TRONG LÂM SÀNG	197
Tên môn học: HÓA SINH-MIỀN DỊCH LÂM SÀNG	202

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

